



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN XUÂN THẮNG:

Tầm nhìn Việt Nam đối với phát triển khoa học vì con người

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

11 VŨ KHOAN:

Có phải một thời đại mới đang dần hiện hình?

26 NGUYỄN VĂN THÀNH:

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực làm việc trong môi trường quốc tế của cán bộ lãnh đạo, quản lý trong điều kiện hội nhập quốc tế

43 BÙI TRƯỜNG GIANG:

Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia trong tình hình mới

60 NGUYỄN KẾ TUẤN:

Nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh quốc gia để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa



SỰ KIỆN

TÂM NHÌN VIỆT NAM ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÌ CON NGƯỜI

(Phát biểu của Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Hội thảo khoa học: Khoa học, Đạo đức và Phát triển con người, tổ chức tại Quy Nhơn, ngày 13 tháng 09 năm 2022. Đầu đề là của Tòa soạn).

Thưa các Quý vị,

Hôm nay, tại thành phố Quy Nhơn tươi đẹp và mến khách, đông đảo các nhà khoa học lớn trên thế giới và Việt Nam đã về tham dự Hội thảo: *Khoa học, Đạo đức và Phát triển con người*. Đây là hội thảo thứ 3 trong khuôn khổ Chương trình “*Gặp gỡ Việt Nam*” do Tổ chức Khoa học và giáo dục Gặp gỡ Việt Nam tổ chức và cũng là một sự kiện đặc biệt nằm trong chuỗi hoạt động của Chính phủ Việt Nam, trực tiếp là Bộ Khoa học và Công nghệ, nhằm hưởng ứng Năm Quốc tế Khoa học Cơ bản vì

Phát triển Bền vững 2022 do Đại hội đồng Liên Hợp Quốc phát động.

Thay mặt lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam, tôi xin gửi lời chào trân trọng và nồng nhiệt đến các nhà khoa học, các quý vị đại biểu đã về với Quy Nhơn, Bình Định, mảnh đất giàu truyền thống văn hoá – lịch sử của miền Trung Việt Nam, nơi hội tụ và lan toả nhiều ý tưởng mới, để tham dự Hội thảo quan trọng và có nhiều ý nghĩa này. Xin chúc toàn thể các quý vị sức khoẻ, hạnh phúc và thu được nhiều trải nghiệm thú vị ở Việt Nam.



Mít tinh Tổng khởi nghĩa tại Quảng trường Nhà hát lớn Hà Nội ngày 19/8/1945 _ Ảnh tư liệu

Thưa các quý vị,

Chúng ta đang sống trong một thế giới thay đổi nhanh chưa từng thấy, có nhiều bất định, bất ổn, đột biến và rủi ro khó lường. Tốc độ tiến bộ của khoa học công nghệ vượt xa nhận thức chung của nhân loại, ra khỏi tầm nhìn, dự báo của các chính khách và nhanh hơn nhiều đối với quá trình hoàn thiện, bổ sung luật pháp, chính sách của các quốc gia. Xu hướng đó đang đặt tiến trình phát triển của nhân loại trước nhiều cơ hội và thách thức không nhỏ; và ranh

giới đạo đức của khoa học, nhất là những khoa học liên quan trực tiếp đến con người, trở nên mong manh hơn bao giờ hết.

Cách nay gần 130 năm, Alfred Nobel đã để lại chúc thư để nghị trao thưởng cho những cá nhân có cống hiến to lớn cho nhân loại với mong muốn có thể bù đắp cho sự phát triển và hoà bình thế giới trước những hệ lụy nảy sinh từ phát minh ra thuốc nổ của ông. Ngày nay, nhân loại không còn quá ngỡ ngàng khi tác động của những thành tựu khoa học

vượt ra khỏi mong muốn và dự liệu của chính những người phát minh ra chúng, thậm chí con người có thể mất quyền kiểm soát đối với chính những thành tựu mà mình đã sáng tạo ra.

Chúng ta đều biết, kỹ thuật nhân bản vô tính có thể được dùng để chọn lọc các bộ gen khỏe mạnh nhưng cũng làm dấy lên cơn ác mộng rằng: khả năng con người có thể được “nhân bản” hàng loạt trong phòng thí nghiệm đang trở nên gần hơn với thực tế. Sự ra đời của mạng xã hội tạo ra một không gian trao đổi thông tin rộng lớn để các cá nhân có thể chia sẻ, kết nối và hợp tác vượt qua khoảng cách về địa lý, song cũng làm cho thế giới nội tâm của con người trở nên nghèo nàn, khiến nhiều người cảm thấy nhàm chán, cô đơn và lạc lõng. Sự phát minh ra trí tuệ nhân tạo và robot thông minh đã tạo động lực mới cho phát triển, giúp chúng ta giải quyết tốt hơn nhiều vấn đề phức tạp của cuộc sống, nhưng nó cũng đặt ra một câu hỏi lớn trong thế giới hiện đại, đó là: con người sẽ có vị trí như thế nào trong mối quan hệ với thể chế và công nghệ?

Đó chỉ là một vài ví dụ nhỏ trong vô vàn ví dụ hết sức sinh động mà chúng ta sẽ bàn đến trong chuỗi hội thảo này. Ở đây, tôi không chỉ muốn nói đến vai trò to lớn làm thay đổi thế giới của khoa học tự nhiên mà cả của khoa học xã hội và nhân văn. Chúng ta đều biết, các nghiên cứu về địa - chính trị, địa - chiến lược trong quan hệ quốc tế đã hình thành tư duy cạnh tranh chiến lược, khơi mào cho những cuộc chạy đua vũ trang tốn kém và cả những cuộc xung đột đẫm máu kéo dài. Rất tiếc là, cho tới hôm nay, tư duy đó vẫn đang ám ảnh một phần nhân loại. Khoa học xã hội và nhân văn từ lâu vẫn đang định dạng mô hình và con đường phát triển của các quốc gia. Có những mô hình đã rất thành công, song có những mô hình mang lại hệ lụy tai hại cho xã hội, đẩy một bộ phận dân chúng vào tình cảnh đói nghèo.

Do vậy, các nhà hoạch định chính sách đóng vai trò rất quan trọng trong xác định đường biên “đạo đức” để tiến bộ khoa học thực sự vì con người, phù hợp với sự phát triển của xã hội và phục vụ nhu cầu thực sự của xã hội. Điều đó đòi hỏi sự tỉnh

táo và bản lĩnh, nhất là phải có niềm tin vào con đường và sự nghiệp sáng tạo trước những thay đổi. Nhân đây, tôi muốn nói đến ba trào lưu có thể phương hại đến việc thiết lập cầu nối quan hệ giữa các nhà chính khách với cộng đồng khoa học và các chủ thể trên thị trường:

(1)- *Chủ nghĩa dân túy*, đó là khi những quan điểm chính trị chủ yếu phục vụ tranh thủ lá phiếu của cử tri, trở thành những lời nói hoa mỹ để lấy lòng số đông dân chúng, không dựa trên những luận cứ khoa học, hoặc chỉ dựa trên những luận cứ một chiều, không hề có những phản biện chính sách. Hệ lụy là, người ta có thể đổ lỗi cho việc hàng loạt thành tựu khoa học đang trở thành mối đe dọa phá hoại hệ sinh thái, môi trường tự nhiên mà không đề cập đến một khía cạnh khác, đó là chính sự phát triển của khoa học công nghệ đang tạo ra những cơ hội cho con người sửa chữa những sai lầm đó. Vì thế, cần cân nhắc thận trọng thái độ ứng xử đối với các nghiên cứu khoa học: *một mặt*, các nhà khoa học không thể tùy tiện nhận xét, đánh giá khi chưa nghiên cứu thật sự thấu đáo; *mặt*

khác, các chính khách cũng không thể tùy tiện ngăn chặn, cấm đoán những phương hướng nghiên cứu với lý do vi phạm đạo đức, thậm chí đe dọa an ninh quốc gia, làm hạn chế sự sáng tạo và phản biện.

(2)- *Chủ nghĩa giáo điều*, đó là khi có sự sùng bái thái quá, nhập khẩu, rập khuôn vội vã những ý tưởng mới từ bên ngoài, thiếu sự chọn lọc phù hợp với điều kiện phát triển, thậm chí hoàn toàn xa lạ với thực tiễn cụ thể của một quốc gia hay một cộng đồng. Những nước đi sau rất cần đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học nhưng điều đó không nên dẫn tới việc hạ thấp năng lực nội sinh, hạ thấp việc kế thừa và phát huy các tri thức khoa học truyền thống. Trong quá trình phát triển, chúng tôi cho rằng, nội lực đóng vai trò quyết định, ngoại lực đóng vai trò quan trọng, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nếu như không đứng được trên vai của những người khổng lồ, thì chỉ ít có thể cùng đi với họ.

(3)- *Chủ nghĩa độc quyền thị trường*. Sự phát triển của khoa học công nghệ trong điều kiện kinh tế thị trường luôn tiềm ẩn những rủi ro và

đối mặt với những vấn đề đạo đức. Ngày nay, các công ty lớn đang độc quyền kiểm soát hầu hết các công nghệ mới, ngay cả chính phủ quốc gia mạnh vẫn rất khó có thể can thiệp. Đại dịch Covid-19 một lần nữa đã làm dấy lên yêu cầu phải thiết lập những cơ chế chia sẻ hữu hiệu, kể cả bản quyền của những phát minh, sáng chế, để những nước đi sau có điều kiện phát triển vắc-xin cho cộng đồng. Tuy nhiên trên thực tế, điều này vẫn còn rất khó khăn. Cần nhấn mạnh rằng, những thành tựu khoa học công nghệ phải là nền tảng thúc đẩy sự hình thành các giá trị nhân văn thực sự, đạo đức chân chính của con người; mục đích cuối cùng là vì sự phát triển chung của toàn nhân loại như người ta thường nói: muốn đi nhanh thì đi một mình, muốn đi tới đích hãy đi cùng nhau.

Thưa các quý vị,

Hôm nay, tôi muốn chia sẻ với các quý vị thông điệp: *Tâm nhìn Việt Nam đối với phát triển khoa học vì con người*. Đó là thông điệp về một tầm nhìn mang đặc sắc, bản lĩnh Việt Nam, về sự hài hoà giữa đạo đức, khoa học và phát triển trong một bối

cảnh đang thay đổi nhanh, khó dự liệu của thế giới.

Phát triển vì con người đã được Việt Nam kiên trì theo đuổi ngay từ những ngày đầu lập nước. Mục tiêu đó đã được thể hiện kiên định trên quốc hiệu Việt Nam suốt 77 năm qua, đó là: “Độc lập – Tự do – Hạnh phúc”. Ba quyền này gắn chặt với nhau, như lãnh tụ Hồ Chí Minh quan niệm: Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Khi ra đi tìm đường cứu nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã quyết định chọn hướng hành trình là đến phương Tây, bởi đây là nơi nắm giữ sức mạnh của nền khoa học kỹ thuật thế giới. Người cũng từng nói: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” và luôn căn dặn thế hệ trẻ phải gắng sức học hành để dân tộc Việt Nam có thể bước tới đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Thực hiện nguyện ước của Người, ngày nay, chúng tôi xác định tầm nhìn xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, trở thành một nước phát triển, thu nhập cao, theo định

hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ 21. Đó là tầm nhìn vừa mang giá trị, ý nguyện và khát vọng phát triển của dân tộc Việt Nam, vừa mang những giá trị phát triển phổ quát của nhân loại và được hiện thực hoá bằng tiến trình Đổi mới đồng bộ, toàn diện đất nước.

Đổi mới là sự lựa chọn mang tính lịch sử, đánh dấu bước chuyển to lớn, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, mang đến sự thay đổi sâu sắc, toàn diện trong nhận thức, tư duy về đường lối xây dựng, phát triển đất nước. Đó là kết quả của cả một quá trình nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, chắt lọc tiếp thu tri thức của nhân loại; đã thật sự trở thành *sản phẩm sáng tạo* của Việt Nam.

Từ tư duy kế hoạch hóa tập trung, Việt Nam đã nhận thức rằng, kinh tế thị trường là sản phẩm của văn minh nhân loại, có nhiều mô hình, được phát triển và thích ứng với nhiều điều kiện, thực tiễn khác nhau. Phát triển kinh tế thị trường tự nó không đi đến chủ nghĩa xã hội, nhưng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội dứt khoát phải phát triển kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa là sự đột phá về lý luận của Việt Nam và thực tế đã trở thành mô hình phát triển kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Từ tình trạng khép kín, bị bao vây, cô lập, cấm vận, Việt Nam đã từng bước mở cửa, hội nhập toàn diện, sâu rộng vào khu vực và thế giới; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế với những đóng góp nổi bật như ý tưởng về tăng trưởng sáng tạo, phát triển bao trùm tại Hội nghị APEC năm 2017 và nhiều hoạt động xây dựng các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu.

Sau 35 năm Đổi mới, từ một nước nghèo, lạc hậu, thu nhập thấp, Việt Nam đã trở thành một nước đang phát triển, thu nhập trung bình. Thu nhập bình quân đầu người hiện nay đã tăng gấp 14 lần, quy mô nền kinh tế tăng gấp 26 lần so với những năm đầu đổi mới. Trong gần hai thập kỷ 1990-2010, đã có gần 30 triệu người Việt Nam thoát nghèo; tỷ lệ hộ nghèo

đã giảm từ mức 58,1% năm 1993 xuống còn 2,23% năm 2021. Tăng trưởng ổn định và bao trùm đã đem lại lợi ích cho tuyệt đại đa số người dân, góp phần cải thiện đáng kể mọi lĩnh vực xã hội.

Đó là kết quả của việc thực hiện xuyên suốt chiến lược phát triển nhanh, bao trùm và bền vững; của quan điểm coi con người là mục tiêu, là động lực của sự phát triển; nhân dân là chủ thể của Đổi mới, là trung tâm của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển; và đặc biệt, trong đó có đóng góp quan trọng của việc thực hiện nhất quán tư tưởng coi phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, phát triển con người là “quốc sách hàng đầu”, là con đường ngắn nhất và tiết kiệm nhất để phát triển nhanh, bền vững và hiện đại hóa đất nước.

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 của Việt Nam đề ra mục tiêu tổng quát: Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển vững

chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần quyết định đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; góp phần phát triển toàn diện con người, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam.

Tôi muốn đề cập đến ba yếu tố quan trọng tạo nên sự gắn kết hài hoà giữa các nền tảng đạo đức, khoa học và phát triển ở Việt Nam trong tầm nhìn mới:

(1)- *Đổi mới sáng tạo*. Đây là điểm nhấn nổi bật của tầm nhìn phát triển khoa học công nghệ và là động lực phát triển của Việt Nam trong giai đoạn mới, được thể hiện xuyên suốt trong các định hướng về tiếp tục chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là các thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng chính phủ số; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng và hoàn

thiện các thể chế khuyến khích đổi mới sáng tạo...

(2)- *Phát triển nhanh và bền vững.* Đây là chiến lược mang mục tiêu “kép”, phù hợp với yêu cầu của một nước đi sau. Trong đó, yêu cầu phát triển bền vững được thể hiện qua các định hướng về chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, nhất là đất đai, khoáng sản và nguồn nước; xây dựng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường; phát triển nông nghiệp sinh thái, xây dựng nông thôn hiện đại, nông dân văn minh...

(3)- *Lấy con người làm trung tâm.* Đây là thuộc tính trong mọi quá trình phát triển của Việt Nam. Chúng tôi chủ trương phát triển con người toàn diện, bảo đảm an ninh con người, chăm lo sức khoẻ, sự an toàn và môi trường sống tốt cho nhân dân, không để một ai bị bỏ lại phía sau, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người; đặc biệt, coi văn hoá, con người là sức mạnh nội sinh, nguồn lực và là động lực quan trọng nhất trong xây dựng và phát triển đất nước.

Thưa các quý vị,

Việt Nam cần nỗ lực rất lớn trên hành trình phát triển nhanh và bền vững, biến những thách thức thành cơ hội để bứt phá, vươn lên, để khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thật sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng cho sự phát triển đất nước trong giai đoạn tới. Chúng tôi hiểu rằng, để thực hiện được những điều đó cần có sự đồng hành của cộng đồng khoa học Việt Nam và quốc tế. Thông qua chia sẻ tầm nhìn và định hướng phát triển của mình, chúng tôi mong muốn các vị khách quốc tế nhận thức đầy đủ hơn về quyết tâm và hành động mạnh mẽ của Việt Nam trong nỗ lực hướng khoa học tới mục tiêu cao nhất là phát triển toàn diện con người, nỗ lực phát triển nhanh và bền vững đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bao trùm và bền vững của thế giới.

Với tình yêu thương con người và trân trọng đối với hành tinh kỳ diệu của chúng ta, xin chúc cộng đồng các nhà khoa học tiếp tục có nhiều phát minh, sáng tạo đóng góp cho phát triển, hoà bình và hạnh phúc của nhân loại.

Xin trân trọng cảm ơn các quý vị! ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CÓ PHẢI MỘT THỜI ĐẠI MỚI ĐANG DẪN HIỆN HÌNH?

● VŨ KHOAN

Những sự kiện dị thường dồn dập diễn ra trên thế giới trong những năm gần đây dường như báo hiệu một thời đại mới trong lịch sử loài người đang dần hé lộ hoặc chí ít thì nhiều hiện tượng, quá trình ta quan sát thấy mang tầm thời đại chứ không chỉ mang tính nhất thời¹.

“Tính chất thời đại” là khái niệm vô cùng rộng lớn và hết sức phức tạp đòi hỏi sự nghiên cứu công phu và bàn thảo thấu đáo không chỉ ở tầm quốc gia mà cả trên phạm vi toàn cầu. Ở đây chỉ phản ánh đôi điều suy ngẫm riêng tư về những chuyển biến rộng lớn ảnh hưởng mạnh mẽ tới cuộc sống của nhân loại cũng như sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

1. *Liên quan tới thế giới tự nhiên*, trong những năm gần đây, loài người phải gồng mình ứng phó với 2 thảm họa mang tầm thế kỷ diễn ra cùng một lúc: đó là các đợt dịch bệnh và thiên tai diễn ra với tần suất cao, phạm vi rộng, gây tác hại lớn, điển hình là đại dịch Covid-19 cũng như đủ loại thiên tai hàng chục, thậm chí hàng trăm năm mới có, cướp đi sinh mạng của hàng triệu người, gây ra những tổn thất vật chất hết sức lớn lao.

Một trong những nguyên nhân đưa đến thực trạng này là con người đã ra sức “cải tạo” và “khai thác” thiên nhiên vì lợi ích phát triển và tiêu dùng đi đôi với tình trạng quần cư trong các đại đô thị ngột ngạt với dân số hàng chục triệu người.



Dự án điện gió và điện mặt trời tại xã Lợi Hải và Bắc Phong, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận _ Ảnh: TTXVN

Xem ra ngày nay, thiên hạ đã dần tỉnh ngộ và đang tìm cách cùng nhau ứng phó; nhiều ngành kinh tế hoàn toàn mới như năng lượng tái tạo, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... lần lượt ra đời và sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong những thập niên tới.

Liên quan tới lĩnh vực *sản xuất vật chất và những tiến bộ khoa học - công nghệ*, chúng ta chứng kiến không ít diễn biến hết sức mới mẻ.

- Quá trình “chuyển đổi số” lan tỏa nhanh chóng hầu khắp thế gian tạo

nên nền “kinh tế số” vừa được ứng dụng rộng rãi trong ba sản nghiệp truyền thống là nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ cũng như nhiều lĩnh vực khác vừa trở thành một ngành kinh tế chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong GDP của mỗi quốc gia và của toàn thế giới.

Cùng với sự thay đổi lớn lao này, cơ cấu lao động cũng chuyển dịch theo. Trong bối cảnh vấn nạn già hóa dân số gia tăng không chỉ ở các nước phát triển mà ở cả nhiều nền kinh tế mới nổi, công nghệ người máy (robot), trí

tuệ nhân tạo (AI)... đang dần thay thế không những lao động cơ bắp mà cả trí tuệ con người.

- Về năng lượng, dưới sức ép của tình trạng ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu thời đại nguyên liệu hóa thạch đang đi dần đến chỗ kết thúc, thay vào đó là các dạng năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, địa nhiệt... Cũng theo xu hướng này, ngành sản xuất ô-tô điện và tự lái lan rộng nhanh chóng đi đôi với những nỗ lực thử nghiệm đối với cả máy bay, tàu thủy. Chắc rằng, trong tương lai không xa, các dạng phương tiện hoàn toàn mới này sẽ trở thành phổ biến.

- Các phương tiện thông tin, liên lạc như điện báo, điện tín, thư tay, điện thoại bàn... đã biến dần ngay trước mắt chúng ta; thay vào đó là mạng internet, điện thoại thông minh tràn ngập thế gian.

- Các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt và sự xuất hiện rầm rộ của e-money cũng như các dịch vụ tài chính hoàn toàn mới như ví điện tử, “công nghệ tài chính” (FinTech), tài chính phi tập trung (DeFi), tiền kỹ thuật số... ngày càng lan rộng thay thế cho các phương thức thanh toán

truyền thống từng tồn tại hàng nghìn năm nay.

- Trong lĩnh vực kinh doanh buôn bán, thương mại điện tử lan truyền rộng rãi không chỉ trong phạm vi mỗi nước mà cả trên phạm vi toàn cầu, tạo nên các chuỗi sản xuất và phân phối rộng khắp.

2. Cùng với sự biến đổi lớn lao về sản xuất vật chất, thế giới đang chứng kiến nhiều biến động rất sâu sắc về mặt xã hội.

- Nhờ những tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ số, nhiều hoạt động của con người như làm việc, giao dịch, quản lý xã hội, quan hệ quốc tế, hội họp, học tập, chữa bệnh, hưởng thụ văn hóa... chuyển dần sang hình thức trực tuyến (on-line) không chỉ trong phạm vi quốc gia mà trên cả phạm vi toàn cầu. Phương cách tiến hành chiến tranh cũng có những thay đổi mới lạ chưa từng thấy, như tiêu diệt đối phương từ khoảng cách rất xa như Mỹ từng tiêu diệt các thủ lĩnh tổ chức khủng bố Al Qaeda Bin Laden vào năm 2011 và Agman Al-Zawahin trong năm nay!

- Bên cạnh thế giới thực, “thế giới ảo” lan rộng nhanh chóng. Rồi ra, khi

các công nghệ vũ trụ ảo (metaverse), không gian thông minh (smart space)... phát triển thì không gian ảo càng mở rộng hơn nữa.

- Những biến đổi sâu sắc trong thế giới tự nhiên cũng như trong sản xuất vật chất và sự cạnh tranh chiến lược toàn diện giữa các nước lớn làm cho *thế giới càng trở nên mong manh hơn*; bên cạnh các mối đe dọa an ninh vốn có đang nổi lên nhiều thách thức mới như về an ninh mạng, an ninh kinh tế - thương mại, tài chính - tiền tệ, năng lượng, lương thực... Xem ra ranh giới giữa các mối đe dọa truyền thống và phi truyền thống bị xóa nhòa dần.

- Một nghịch lý của thế giới đương đại là kinh tế càng phát triển thì sự *phân hóa giàu nghèo*, kể cả sự “phân hóa số”, ở từng nước cũng như trên phạm vi toàn cầu ngày càng gay gắt. Do những xáo động về chính trị - chiến lược cũng như nạn đói nghèo, thiên tai, dịch bệnh... ngày nay, thế giới phải đối mặt với các làn sóng di cư ồ ạt và các thảm họa nhân đạo nghiêm trọng; những mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo càng trở nên gay gắt hơn, đe dọa sự ổn định chính trị - xã hội ở nhiều quốc gia.

Liên quan tới những biến đổi mới liên quan tới *các chế độ chính trị - xã hội* ta thấy các nước tư bản phát triển đang phải đối mặt với vô vàn khó khăn, mâu thuẫn gay gắt về thể chế, sắc tộc, kinh tế, quan hệ quốc tế... đến mức Thủ tướng Anh Tony Blair từng phải đưa ra ý tưởng về “con đường thứ ba” và ngày nay Thủ tướng Nhật Bản Koshida nêu học thuyết về “chủ nghĩa tư bản mới”! Vậy thực trạng và tương lai của chế độ TBCN cũng như chủ nghĩa đế quốc với 5 đặc trưng mà V.Lenine nêu ra sẽ ra sao? Đó là các vấn đề lớn đòi hỏi có sự nghiên cứu thấu đáo, bàn thảo kỹ lưỡng.

3. *Cục diện cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn* không phải là hiện tượng mới mà nó nảy sinh và diễn biến suốt chiều dài lịch sử. Nói một cách khác, đây là chiều hướng mang tính quy luật, phản ánh sự thịnh - suy của các quốc gia.

Để minh chứng cho quy luật này, người ta thường viện dẫn quan điểm của nhà lịch sử Hy Lạp Thucydides thời cổ đại Hy Lạp (460 - 400 Trước Công nguyên), khi ông cho rằng, sự trỗi dậy của Athens và nỗi sợ hãi mà nó gây ra đối với Sparta khiến cho

chiến tranh trở thành tất yếu. Sau này người ta gọi điều tiên đoán của ông là “cái bẫy Thucydides”².

Thực chất quy luật cạnh tranh giữa các nước lớn đại thể là: các cường quốc thường nuôi tham vọng không ngừng gia tăng sức mạnh và tầm ảnh hưởng của mình; để đạt mục tiêu ấy, họ thường phung phí nguồn lực nên lâu dần kiệt quệ và rơi vào khủng hoảng; nhân cơ hội đó, các cường quốc mới nổi bèn ra sức tìm cách soán ngôi.

Ta có thể thấy hiện tượng này qua sự thịnh - suy của Alexander đại đế, các đế quốc La Mã, Nguyên Mông, Mughal (ở tiểu lục địa Ấn Độ), Trung Hoa, Napoléon, Hà Lan, Anh, Ottoman, Sa hoàng, Áo - Hung, Đức - Ý - Nhật...

Riêng cục diện cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai tới nay đã trải qua 4 thời kỳ. Ta hãy xem xét đặc điểm của mỗi thời kỳ theo ba chiều: (i) các nước tham gia và sức mạnh, tính toán và hành vi của họ; (ii) nội hàm và mức độ cạnh tranh (iii) phương cách, khu vực cạnh tranh.

Thời kỳ đầu kéo dài từ 1946 tới 1991 được gọi là “chiến tranh lạnh”.

Về *đối tượng*, nổi lên sự cạnh tranh giữa Mỹ và phương Tây chống lại Liên Xô và các nước XHCN khác với các chiến lược “ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản” của Truman, “trả đũa ô ạt” của Eisenhower, “phản ứng linh hoạt” của Kennedy. Trong thời kỳ này, mỗi bên đều hình thành các tổ chức chính trị, quân sự và kinh tế - tài chính riêng biệt, ra sức kiểm chế đối phương và gia tăng ảnh hưởng trên thế giới, nhất là trong thế giới thứ ba.

Cuộc cạnh tranh chiến lược lúc này chủ yếu về chính trị - an ninh, nhất là sức mạnh quân sự, vũ khí hạt nhân - tên lửa, thậm chí nhiều khi đẩy thế giới vào trạng thái “bên miệng hố chiến tranh” như khủng hoảng Berlin năm 1948, khủng hoảng tên lửa ở Cuba năm 1961, các cuộc chiến tranh Triều Tiên, Đông Dương... Tuy nhiên, cả hai bên đều tránh rơi vào xung đột quân sự trực tiếp, thậm chí có lúc, có nơi còn hòa hoãn với nhau.

Trong khi đó, ở mỗi phe đều xuất hiện một số quốc gia chọn con đường riêng. Về phía XHCN, Trung Quốc thường xuyên điều chỉnh chiến lược, khoảng 10 năm một lần: từ “nhất biên đảo”, tức là đi hẳn với Liên Xô chống

Mỹ (1949 tới khoảng 1959) rồi “phản đế phản tu”, tức chống cả Mỹ lẫn Liên Xô, tiếp đó Đại hội lần thứ IX Đảng Cộng sản Trung Quốc vào năm 1969 coi Liên Xô là đối thủ chủ yếu, thậm chí đã xảy ra xung đột quân sự Trung - Xô ở cồn Damanski (Trần Bảo) trên sông Amur (Hắc Long Giang); tiếp đến, từ 1979 Trung Quốc đã thực thi chính sách chống “đại bá” và “tiểu bá” nhằm tranh thủ quan hệ với Mỹ và phương Tây để thực hiện “bốn hiện đại”; tới 1989 Trung Quốc đã hòa giải với Liên Xô ngày càng suy yếu để đối phó với phương Tây sau vụ “Thiên An Môn”.

Ngoài Trung Quốc còn có Nam Tư chủ trương chọn đường lối khác biệt với Liên Xô; Rumanie, Albanie và cả Bắc Triều Tiên xích gần Trung Quốc.

Về phía phương Tây, nước Pháp dưới thời Tổng thống De Gaulles đã rút khỏi cơ chế quân sự của NATO, cổ động cho chính sách trung lập ở Đông Dương, cải thiện quan hệ với Liên Xô và cả Trung Quốc.

Trong thời kỳ này, *khu vực cạnh tranh* diễn ra gay gắt ở châu Âu và trong thế giới thứ ba, riêng Pháp rồi Mỹ đã lao vào chiến tranh Việt Nam còn Liên Xô tích cực ủng hộ các nước

dân tộc độc lập, hỗ trợ một số nước đi theo định hướng XHCN như Angola, Mozambic, Nam Yemen, Ethiopie và Afghanistan rồi cuối cùng sa vào cuộc chiến hao người tốn của ở nước này buộc phải rút quân vào năm 1990 - trên ngưỡng cửa của sự sụp đổ.

Thời kỳ thứ hai bắt đầu sau khi chế độ chính trị - xã hội bị xóa bỏ ở các nước Đông Âu và cả Liên Xô vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 thế kỷ trước.

Trong thời kỳ này, Mỹ ra sức khẳng định vai trò lãnh đạo thế giới, hình thành cục diện “đơn cực”, triển khai chiến lược “vượt trên ngăn chặn” của Bush cha, tranh thủ chính quyền Eltsyn ở Nga và Trung Quốc hội nhập quốc tế nhằm thực hiện học thuyết “can dự và mở rộng” của Clinton, tiến hành các cuộc “cách mạng màu” ở Trung Cận Đông với ý đồ thao túng khu vực trọng yếu này. Về phía Trung Quốc đã đẩy mạnh công cuộc cải cách, mở cửa phát động năm 1978, đạt tốc độ phát triển nhanh chóng; nước Nga trải qua gần một thập kỷ khủng hoảng trầm trọng, tới cuối những năm 90 mới dần khôi phục và gia tăng hội nhập quốc tế.

Những chuyển biến trên đã thúc đẩy mạnh mẽ xu thế toàn cầu hóa với sự dịch chuyển tự do hàng hóa, vốn đầu tư, tiền tệ, thông tin, giao thông - vận tải, sự giao lưu giữa người với người... chủ yếu theo những luật lệ do các nước công nghiệp phát triển định hình từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai như GATT về trao đổi hàng hóa và Bretton Wood về tiền tệ đi liền với sự ra đời của WB và IMF.

Thời kỳ thứ ba bắt đầu khi thế giới bước vào thế kỷ XXI với ba sự kiện mang tính cột mốc là vụ khủng bố ngày 11/9/2001 báo hiệu nước Mỹ không còn an toàn nhờ ở xa vùng tranh chấp, cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính bùng phát năm 2008 và Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai sau khi gia nhập WTO năm 2002 và Nga cũng gia nhập tổ chức này 10 năm sau đó.

Cũng vào thời kỳ này, Mỹ lao vào cuộc chiến hao người tốn của kéo dài 20 năm trời ở Trung Cận Đông dưới chiêu bài “chống khủng bố”, làm cho nước Mỹ suy yếu và chia rẽ trong khi Trung Quốc đã tận dụng được cơ hội trở thành cường quốc công nghiệp và xuất khẩu, nỗ lực hiện thực hóa “giấc

mơ Trung Hoa” nhằm mục tiêu “Đến giữa thế kỷ XXI vươn lên vị trí hàng đầu thế giới với tư cách là cường quốc toàn cầu và ảnh hưởng quốc tế” như Đại hội XIX của Đảng Cộng sản trung Quốc nêu. Để thực hiện mục tiêu trên, Trung Quốc đã triển khai chiến lược “Một vành đai, một con đường”, hành xử quyết đoán hơn trong quan hệ quốc tế, kể cả trên biển Đông; còn Nga dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Putin khôi phục phần nào vị trí cường quốc thông qua việc mở rộng ảnh hưởng ở Trung Cận Đông, tập hợp một số nước trong thành phần Liên bang Xô-viết trước đây vào các tổ chức do Nga đóng vai trò chủ đạo như Liên minh kinh tế Á - Âu (EAEU), Tổ chức an ninh tập thể (CSTO)...

Quan hệ Nga - Trung không những được cải thiện mà trở thành “tốt đẹp hơn bao giờ hết” như hai bên nhấn mạnh; hai nước cùng nhau lập ra Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SOC), Ngân hàng Phát triển mới và Ngân hàng Kết cấu hạ tầng; Nga tham gia chủ trương “Một vành đai, một con đường” cũng như các thể chế tài chính nói trên do Trung Quốc đề xướng và



Những nước có nền kinh tế mới nổi đang ở giai đoạn phát triển kinh tế và quy mô tương đồng gồm Brasil, Nga (Russia), Ấn Độ (India) và Trung Quốc (China) trong ảnh: các nhà lãnh đạo BRIC năm 2010 _ Ảnh: TL

cùng Trung Quốc thúc đẩy sự hình thành tổ chức BRIC...

Trong bối cảnh ấy, chính quyền Obama chuyển từ chủ trương “can dự” sang kiểm chế Trung Quốc thông qua chiến lược “xoay trục sang châu Á”; tiếp đến cả chính quyền Trump lẫn Biden đều ra sức củng cố “vai trò lãnh đạo” của Mỹ theo cách riêng và đều coi Trung Quốc và Nga là đối thủ cạnh tranh chủ yếu, đưa ra chiến lược “Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương tự do và rộng mở”, chỉ có điều khác là chính quyền Trump rút khỏi một số thể chế

đa phương, kể cả TPP, gây trục trặc với Tây Âu, chính quyền Biden chú trọng hơn tới việc củng cố quan hệ với châu Âu, và quay lại một số thể chế đa phương.

Với việc Nga tiến hành “chiến dịch đặc biệt” ở Ukraina từ ngày 24/2/2022, cục diện cạnh tranh giữa các nước lớn bước vào *thời kỳ thứ tư* với một số đặc điểm như:

Mâu thuẫn Mỹ và phương Tây với Nga trở nên hết sức gay gắt trong khi Trung Quốc vẫn là đối tượng cạnh tranh quan trọng hàng đầu của Mỹ do

sức mạnh mọi mặt và tầm ảnh hưởng ngày một gia tăng; riêng về kinh tế, về GDP Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, chiếm 17,4% giá trị GDP toàn cầu và trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới với khoảng 3.812 tỷ \$, giành được nhiều tiến bộ vượt bậc trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, chinh phục vũ trụ và cả về khí tài quân sự. Trên cơ sở những thành tựu mới, Trung Quốc ngày càng phát huy ảnh hưởng trên thế giới, hình thành và nỗ lực mở rộng các tổ chức SOC (Tổ chức hợp tác Thượng Hải), sáng kiến “Một vành đai, một con đường”, các nền kinh tế mới nổi BRIC...; gần đây đưa ra các sáng kiến về an ninh và phát triển toàn cầu...

Còn Liên bang Nga vừa mạnh mẽ chống lại sức ép của Mỹ và phương Tây mở rộng EU và NATO về phía Đông vừa tìm cách mở rộng phạm vi ảnh hưởng trong không gian vốn có của nước Nga và Liên Xô trước kia. Ý định ấy thể hiện rõ trong việc Nga hỗ trợ hai nước cộng hòa tự trị Avkhasia và Osetina tách khỏi Georgie vào năm 2008; tiếp đến là sự kiện thu hồi bán đảo Crimea và hỗ trợ hình thành hai nước cộng hòa tự xưng Donbas và

Lugansk ở phía Đông Ukraina và năm nay - 2022 “mở chiến dịch quân sự đặc biệt” ở Ucraina! Không biết vô tình hay chủ ý, ba sự kiện trên đều diễn ra ngay sau các thế vận hội mùa Hè ở Bắc Kinh 2008, thế vận hội mùa Đông ở Sotchi (Nga) năm 2014 và thế vận hội mùa Đông ở Bắc Kinh năm 2022. Đồng thời, chúng cũng thể hiện ý muốn của Nga từng bước khôi phục “không gian hậu Xô-viết cũ trải dài từ vùng Baltic tới vùng Trung Á như là khu vực có tầm ảnh hưởng hợp pháp của Nga” như đã được khẳng định trong bản “Học thuyết ngoại giao của Nga” do Tổng thống Putin ký ban hành ngày 5/9/2022 với chủ đề “Một thế giới Nga”.

Trong khi đó, Mỹ phải đối mặt với ngày càng nhiều khó khăn, thách thức chẳng những về kinh tế - xã hội mà cả về thể chế chính trị. Cuộc tranh cử Tổng thống năm 2019 và cuộc tiến công tòa nhà Quốc hội là một minh chứng cho điều này. Trên trường quốc tế nói chung và trong hàng ngũ đồng minh nói riêng, quyền uy của Mỹ không còn như trước. Riêng về kinh tế, nếu như trong những năm 50 thế kỷ trước, Mỹ chiếm khoảng trên dưới

50% GDP thế giới thì nay tỷ lệ đó chỉ còn khoảng 24,7%, nợ công của Mỹ lên tới 30.000 tỷ \$ so với 20.953 tỷ GDP, ngay trong lĩnh vực công nghệ cao như sản xuất vi mạch thì năm 1990 Mỹ từng chiếm 37% sản lượng tới 2021 chỉ còn chiếm có 12%! Tuy nhiên, Mỹ vẫn tiếp tục duy trì được không ít lợi thế về sức mạnh vũ khí, khoa học - công nghệ, giá trị văn hóa - giáo dục và nhất là tài chính nhờ nắm giữ quyền phát hành và kiểm soát đồng dollar.

Trong hoàn cảnh như vậy, chính quyền Mỹ buộc phải rút quân khỏi Afghanistan, nỗ lực thúc đẩy phát triển kinh tế trong nước, gia tăng mạnh mẽ vai trò “lãnh đạo thế giới”. Lợi dụng việc Nga phát động “chiến dịch quân sự đặc biệt” ở Ucraina, Mỹ đã tập hợp đồng minh và dư luận quốc tế cô lập và trừng phạt Nga; ủng hộ chính trị và cung cấp vũ khí cho Ukraina nhưng tránh tham chiến trực tiếp.

Những diễn biến đầy kịch tính trên đã tác động đáng kể tới *cấu trúc an ninh* châu Âu. Một mặt, EU đồng lòng cùng Mỹ trừng phạt Nga; Phần Lan, Thụy Điển tiến tới gia nhập NATO,

Cộng hòa Liên bang Đức chuyển từ chính sách “Thay đổi thông qua thương mại” (Wandel durch Handel) sang gia tăng chi tiêu quốc phòng, cung cấp vũ khí cho Ukraina... Tuy nhiên, EU vẫn theo đuổi lập trường tự lập về quốc phòng, thương mại và năng lượng và nay đang đối mặt với nhiều khó khăn và mâu thuẫn dưới tác động của dịch bệnh, thiên tai nghiêm trọng cũng như những tác động ngược do các đòn trừng phạt qua lại với Nga.

Đều chịu sức ép của Mỹ, Nga - Trung thất chặt quan hệ song phương song không hình thành liên minh chính thức. Trung Quốc vừa công khai bày tỏ quan điểm không tán thành việc sử dụng vũ lực xâm hại chủ quyền nước khác, vừa chỉ trích phương Tây không tính đến mối quan tâm an ninh của Nga; ở Hội đồng Bảo an và Đại Hội đồng Liên Hợp quốc, Trung Quốc luôn né tránh lên án Nga mà chỉ kêu gọi chấm dứt xung đột, giải quyết các vấn đề nhân đạo. Cũng nhân dịp này, Trung Quốc đẩy mạnh hoạt động nhằm phát huy ảnh hưởng trên thế giới dưới lá cờ “cùng chung vận mệnh” và vừa đưa ra các sáng kiến “hợp tác phát triển” và “an ninh toàn cầu”.

Nội dung cạnh tranh giữa các nước lớn hiện nay toàn diện hơn thời kỳ “chiến tranh lạnh”; sự cạnh tranh diễn ra không chỉ về chính trị - an ninh mà trong mọi lĩnh vực: kinh tế, tài chính - tiền tệ, khoa học - công nghệ, thông tin...; ở cả châu Âu lẫn châu Á; trên cả đại dương lẫn trên không gian vũ trụ và hai cực trái đất; riêng hệ thống thương mại, tài chính - tiền tệ có nguy cơ bị phân mảnh thành các hệ thống khác nhau.

Xem như vậy có thể thấy *mức độ cạnh tranh* hiện nay không kém phần gay gắt, thậm chí về nhiều mặt còn gay gắt hơn cả thời chiến tranh lạnh. Trước mắt, hai bên vẫn tiếp tục tránh rơi vào xung đột quân sự trực tiếp với nhau mà chỉ tiến hành “chiến tranh ủy nhiệm”: Nga sử dụng thủ thuật tạo dựng và hỗ trợ việc hình thành các khu vực tự trị, giành lại lãnh thổ và xác lập sự hiện diện của mình ở một số khu vực thuộc Liên Xô trước đây thông qua phương thức “chiến dịch quân sự đặc biệt” chứ không tuyên chiến. Riêng Trung Quốc vừa mới thông qua bản “Đề cương về hành động quân sự không có chiến tranh” vào ngày 27/6/2022.

Điều đáng ngại là cả hai bên Nga và phương Tây đều đưa ra những tuyên bố về nguy cơ xung đột hạt nhân, quan ngại hơn nữa là cuộc đụng độ quân sự giữa Nga và Ucraina ở khu vực Nhà máy điện hạt nhân Zaporozie (Nam Ukraine) lớn nhất châu Âu róng lên hồi chuông báo động về nguy cơ một thảm họa hạt nhân mới khủng khiếp hơn cả thảm họa Tchernobyl năm 1986 và nay không lực Belarus cũng có khả năng chuyển chở vũ khí hạt nhân.

Khu vực cạnh tranh không chỉ ở châu Âu mà lan tỏa ra toàn cầu, nhất là ở châu Á - Thái Bình Dương và cả Ấn Độ Dương, Châu Đại Dương và khu vực Trung Cận Đông. Một chiều hướng mới nữa là vị trí các nước châu Á ngày càng lên cao; nếu như vào đầu thế kỷ XXI, 6 nước công nghiệp phát triển hàng đầu đều là Mỹ và các nước Tây Âu như Đức, Pháp, Anh, Italia, chỉ có Nhật Bản thuộc châu Á thì nay kinh tế Trung Quốc đã vươn lên hàng hai, Ấn Độ đã qua mặt nước Anh, đó là chưa kể Nam Triều Tiên cùng một số nền kinh tế mới nổi khác phát triển nhanh chóng, đóng vai trò ngày càng lớn trên thương trường toàn cầu. Đi đôi với sự chuyển dịch sức mạnh như

vậy, giá trị hàng hóa trao đổi và vốn đầu tư giữa châu Âu và Trung Quốc cũng đã vượt mức giao lưu giữa Mỹ với Trung Quốc về chỉ số này.

Cuộc cạnh tranh hiện nay thay đổi đáng kể các *thể chế đa phương*, kể cả Liên Hợp quốc; nhiều tổ chức vốn có sẽ mất dần sức sống hoặc được tái cấu trúc đồng thời xuất hiện những tập hợp mới, nhiều luật lệ sẽ bị điều chỉnh.

Thế giới trải qua *sự phân hóa sâu sắc*, thậm chí trong từng nước, ở mỗi “phe” và tại các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu, kể cả Liên Hợp quốc. Đáng chú ý là khi diễn ra cuộc bỏ phiếu ở Liên Hợp quốc ngày 2/3/2022 về “chiến dịch quân sự đặc biệt” của Nga ở Ucraina, chỉ có Belarus ủng hộ Nga, còn tất cả thành viên các tổ chức đa phương do Nga đóng vai trò chủ đạo đều bỏ phiếu trắng (!?), có nhiều dấu hiệu cho thấy các nước Trung Á thuộc Liên Xô cũ vừa duy trì quan hệ với Nga, vừa tập hợp với nhau và tiếp cận các thể chế đa phương bên ngoài. Trong nội bộ EU cũng nảy sinh không ít mâu thuẫn giữa các nước thành viên.

Chưa ai phỏng đoán được cuộc xung đột ở Ucraina bao giờ kết thúc và kết thúc thế nào. Dù sao đi nữa cục

diện cạnh tranh giữa các nước lớn sẽ tiếp tục diễn biến ngày càng phức tạp hơn và sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình mọi mặt của thế giới trong thời gian dài với những sự thăng trầm nhất định.

Một hệ quả nữa cần tính đến là *số phận của các thể chế đa phương*. Trước mắt, ta thấy các thể chế đa phương, kể cả Liên Hợp quốc đang đối mặt với sự phân hóa sâu rộng, không ít thể chế khu vực sẽ thay đổi, thậm chí tàn lụi, đồng thời sẽ xuất hiện những thể chế đa phương mới. Phương Tây tiếp tục tập hợp trong các thể chế riêng như NATO, EU, G-7..., đồng thời hình thành một số thể chế mới không có Nga và cả Trung Quốc; về phần mình Trung Quốc và Nga tuy chưa hình thành liên minh chính thức song đều ra sức củng cố, mở rộng, thậm chí lập ra những thể chế mới của riêng mình. Như vậy sẽ không xuất hiện lại thể “luỡng cực” hoặc “tam giác” Mỹ - Trung - Nga như trong thời chiến tranh lạnh mà xu thế đa cực, đa trung tâm đan xen nhau sẽ ngự trị.

Xu thế “toàn cầu hóa” cũng sẽ chứng kiến những sự điều chỉnh đáng kể. Nhiều khả năng sẽ hình thành cực

diện “xôi đỗ”: trong một số lĩnh vực các bên vừa hình thành các thể chế riêng biệt, vừa tiếp tục hiện diện trong một số thể chế chung. Các chuỗi sản xuất, cung ứng cũng như dòng vốn đầu tư, hệ thống tài chính - tiền tệ³ cũng sẽ bị phân mảnh và được cơ cấu lại một cách sâu rộng. Quá trình này sẽ không đơn giản vì năm 2021, đồng Dollar Mỹ vẫn còn chiếm 62%, Euro chiếm 20%, Yên Nhật và Bảng Anh mỗi loại chiếm 5% dự trữ tiền tệ thế giới, trong khi đồng Nhân dân tệ chỉ chiếm 2%, đồng Rouble của Nga chỉ chiếm khoảng 1% và đều chưa phải là các đồng tiền chuyển đổi⁴.

Dù sao đi nữa vẫn có thể hy vọng rằng, thế giới sẽ không rơi vào “cái bẫy Thucydides” về một cuộc chiến tranh không tránh khỏi mà sẽ diễn ra các kịch bản Đảng ta từng nêu là “nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt sẽ bị đẩy lùi” (Đại hội VIII năm 1995) hay “Trong vài thập kỷ tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới” (Đại hội IX năm 2000 khi thế giới bước vào thế kỷ XXI)!

4. Một vài suy ngẫm liên quan tới hàm ý chính sách

Về những cơ hội và thách thức đối với nước ta, cũng như đường hướng

phát triển đất nước trong 5 năm trước mắt và trong 25 năm tới, những nhận định và chủ trương do Đại hội XIII nêu ra vẫn còn nguyên giá trị; ở đây chỉ xin lấy ra đôi điều trần trở riêng tư trước những diễn biến mới dồn dập trên thế giới.

Một là, những biến động hiện nay và trong những năm tới báo hiệu về một thời kỳ hết sức bất an, bất định, ảnh hưởng trực tiếp tới công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nước ta. Để bảo vệ Tổ quốc, bên cạnh yêu cầu giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và sự ổn định chính trị - xã hội, ta còn phải ứng phó với nhiều thách thức “truyền thống” và “phi truyền thống” đan xen nhau như thiên tai, dịch họa nghiêm trọng liên tiếp diễn ra cùng những bất ổn nghiêm trọng về kinh tế - thương mại, tài chính - tiền tệ, giao thông - vận tải, nguồn cung nhiều sản phẩm cốt yếu như năng lượng, lương thực... cũng như các mối đe dọa liên quan tới sự căng thẳng, đối đầu gay gắt về chính trị an ninh trên thế giới và ngay trong khu vực.

Như trên đã nói, ngày nay ranh giới giữa những mối đe dọa “truyền thống” và “phi truyền thống” không còn rõ rệt

mà chúng đan xen nhau, tác động qua lại lẫn nhau chặt chẽ. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ bảo đảm “an ninh” mang tính bao trùm; yêu cầu phòng ngừa từ sớm, từ xa không chỉ liên quan tới các lực lượng vũ trang mà là đòi hỏi đối với mọi ngành, mọi cấp.

Hai là, một trong những bảo bối trong sự nghiệp bảo vệ an ninh của đất nước là “*phải trông ở thực lực*” như Bác Hồ nhiều lần căn dặn. Trên thực tế, sức mạnh và tiềm lực của nước ta đã gia tăng đáng kể; ngay trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế mấy năm gần đây nước ta đã gạt hái được không ít thành công được dư luận thế giới đánh giá cao. Tuy nhiên, để xây dựng được một nền kinh tế độc lập tự chủ trong một thế giới biến động không ngừng như ngày nay thì phía trước còn rất nhiều việc phải làm.

Ngay từ đầu những năm 60 thế kỷ trước, Đảng ta đã đặt cao nhiệm vụ công nghiệp hóa đất nước, trong đó cách mạng khoa học và kỹ thuật là then chốt; trong thời kỳ đổi mới đã hai lần ta xác định mốc thời gian cụ thể biến nước ta thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại nhưng tiếc rằng

vì nhiều lý do chủ trương rất hệ trọng này chưa thực hiện được.

Ngày nay, nước ta đang phấn đấu thực hiện những mục tiêu do Đại hội XIII nêu ra là tới năm 2030 xây dựng nước ta thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại và 2045 thành nước phát triển. Để đạt tới những mục tiêu trên vẫn cần kiên trì tuân theo phương châm “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng”. Theo hướng này, nhiều nghị quyết của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực cụ thể đã được ban hành, trong đó có Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Yêu cầu này càng trở nên cấp bách trong hoàn cảnh hiện nay, khi kinh tế thế giới đang và sẽ chứng kiến nhiều bất trắc. Tiếc rằng, trong nền kinh tế của nước ta, các doanh nghiệp FDI tiếp tục chiếm tỷ trọng ngày càng cao; năm 2019 lĩnh vực này chiếm 20,35% GDP, ¼ giá trị vốn đầu tư toàn xã hội, trên dưới 50% sản lượng công nghiệp, 71,7% xuất khẩu và 64,35% nhập khẩu, trong đó các doanh nghiệp

nước ngoài góp phần quyết định trong tỷ lệ xuất siêu...; về trình độ công nghệ thì công nghệ tiên tiến của Mỹ và Tây Âu chỉ chiếm 6%, công nghệ Trung Quốc chiếm tới 45% ; kỳ vọng về việc các doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ hầu như chưa trở thành hiện thực...

Nói một cách khác, nền công nghiệp của nước ta chủ yếu vẫn là công nghiệp gia công; các lĩnh vực công nghiệp cơ bản như luyện kim, cơ khí, phần cứng cho công nghệ số, thiết bị điện gió và điện mặt trời... đều chưa đáp ứng yêu cầu “độc lập, tự chủ”, thậm chí các ngành liên quan tới lĩnh vực nước ta có thể mạnh là nông nghiệp như cơ khí nông nghiệp, sản xuất phân bón, thức ăn gia súc, chế biến nông sản... đều chưa đáp ứng yêu cầu và phải nhập khẩu khối lượng đáng kể. Nếu xảy ra những xáo động lớn thì nền kinh tế nước ta sẽ rơi vào tình thế không đơn giản chút nào! Trong tình hình phức tạp hiện nay và trong những năm sắp tới, nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đủ sức chống chịu và thích ứng được với những biến động trên thế giới trực tiếp hay gián tiếp tác động tới nước ta trở thành một yêu cầu hết sức

hệ trọng. Nói một cách khác, công cuộc bảo vệ độc lập, chủ quyền và an toàn chính trị - xã hội cũng như yêu cầu phòng ngừa từ sớm, từ xa không chỉ là trách nhiệm của các lực lượng vũ trang mà là của mọi ngành, mọi cấp.

Ba là, thành quả trên mặt trận ngoại giao của nước ta trong 77 năm qua là rất lớn, góp phần rất quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước, nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Có được những thành tựu ấy là nhờ ở đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta vận dụng nhuần nhuyễn những tư tưởng lớn của Bác Hồ. Trong thời kỳ đổi mới, nước ta luôn kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên định về nguyên tắc, cơ động linh hoạt về sách lược.

Trong bối cảnh hết sức phức tạp hiện nay và trong những năm tới, những “bão bối” trên càng cần phải được vận dụng một cách hết sức cơ động linh hoạt, tinh tế để đất nước không rơi vào tình thế hiểm nghèo ■

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

● **Thượng tướng, PGS, TS NGUYỄN VĂN THÀNH**

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

I. Những tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

(1) Cạnh tranh việc làm, theo Diễn đàn Kinh tế thế giới: Đến năm 2025, người sử dụng lao động sẽ phân chia công việc giữa con người và máy móc một cách gần như bình đẳng 50-50. Công nghệ sẽ thay đổi nhiệm vụ, công việc và kỹ năng vào năm 2025. Khoảng 43% doanh nghiệp được khảo sát cho biết rằng họ sẽ giảm lực lượng lao động vì áp dụng công nghệ, 34% có kế hoạch tuyển dụng lực lượng lao động mới do tích hợp công nghệ. Các ngành nghề mới nổi phản ánh nhu cầu lớn hơn về việc làm trong nền kinh tế xanh; vai trò đi đầu trong nền kinh tế dữ liệu và AI; và các vai trò mới của

công nghệ mới nổi, điện toán đám mây và phát triển sản phẩm.

(2) Phương thức quản trị quốc gia, quan hệ quốc tế

Tác động đến phương thức xử lý những vấn đề mâu thuẫn nội bộ (xuất hiện 12 mâu thuẫn nội bộ trong xã hội Trung Quốc và nhiều quốc gia khác). Khoa học - công nghệ (KH-CN) ngày càng tác động trực tiếp, sâu rộng vào sản xuất, đời sống con người và xã hội; càng đích thực là lực lượng sản xuất số một của đại công nghiệp toàn cầu. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam cần tới những duy mới, sáng tạo, những chính sách, giải pháp đột phá và hiệu quả, bảo đảm cho

Nhà nước luôn thích ứng với bối cảnh tình hình mới, kịp thời đề ra và thực hiện những chủ trương, chính sách, pháp luật và giải pháp đúng, phát huy mọi nguồn lực, tận dụng thời cơ để phát triển và kịp thời ứng phó với những khó khăn, thách thức xảy ra. *Báo cáo chính trị Đại hội XIII nhấn mạnh: “Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0), nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc”.* Nhận định mới này rất quan trọng trong việc định hướng cho nhà nước pháp quyền tận dụng thời cơ do những thành tựu của cuộc cách mạng này đem lại, đồng thời vượt qua những thách thức để quản trị và phát triển quốc gia theo hướng tăng tốc, đi tắt, đón đầu.

(3) Quan hệ quốc tế vì thế cũng có nhiều biến động. Cạnh tranh chiến lược nước lớn cũng trở nên gay gắt hơn giữa những nước đi đầu về khoa học - công nghệ; các nước lớn đều lấy việc làm chủ khoa học - công nghệ hiện đại làm cơ sở để xác lập địa vị của mình trong trật tự quốc tế, điều này đang gây biến động nhất định đối với cục diện thế giới, khu vực.

(4) Tác động đối với doanh nghiệp, có bốn tác động chính: (i) về kỳ vọng của khách hàng, (ii) về nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, (iii) về đổi mới hợp tác và (iv) về các hình thức tổ chức sản xuất và sáng tạo. Các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh sẽ phải tập trung vào việc nâng cấp kỹ năng cho công nhân của họ. Làm việc từ xa: Khoảng 84% người sử dụng lao động đang nhanh chóng số hóa các quy trình làm việc, mở rộng đáng kể hình thức làm việc từ xa.

(5) Tác động lên chính quyền: xuất hiện mô hình chính phủ trí tuệ nhân tạo, tiến đến 100 năm Liên hợp quốc (2045), Bàn tròn UN 2045 do Ramu Damodaran Tổng giám đốc Academic Impact của Liên hợp quốc, Tổng Biên tập Tạp chí Biên niên sử Liên hợp quốc và cha đẻ Internet Vint Cerf thảo luận về mô hình mới con người hướng tới: *“kinh tế trọng tâm vì con người, hệ sinh thái Internet và trí tuệ nhân tạo mới cho công việc và cuộc sống”.* Nội hàm thành phố Xã hội Trí tuệ nhân tạo trong mô hình *Thành phố thông minh*. Khả năng thích ứng với công nghệ mới của các cơ quan công quyền sẽ quyết định năng lực quản lý của họ.

Chính quyền và các cơ quan quản lý của mình sẽ cần phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp và các hội, hiệp hội và người dân.

(6) Tác động đối với con người (tồn tại con người) về sinh học, xã hội, và tinh thần đặt ra những yêu cầu mới. Theo dòng chảy của cuộc cách mạng 4.0, trí tuệ nhân tạo ngày càng được phổ biến và ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, mặc dù được John McCarthy - nhà khoa học máy tính người Mỹ đề cập lần đầu tiên vào những năm 1956 nhưng đến ngày nay thuật ngữ trí tuệ nhân tạo mới thực sự được biết đến rộng rãi và được các “ông lớn” của làng công nghệ chạy đua phát triển. *Trí tuệ nhân tạo* (AI) có khả năng tự thích nghi, tự học và tự phát triển, tự đưa ra các lập luận để giải quyết vấn đề, có thể giao tiếp như người... Tất cả là do AI được cài một cơ sở dữ liệu lớn, được lập trình trên cơ sở dữ liệu đó và tái lập trình trên cơ sở dữ liệu mới sinh ra. Cứ như vậy cấu trúc của AI luôn luôn thay đổi và thích nghi trong điều kiện và hoàn cảnh mới.

(7) Tác động lên báo chí, truyền thông: Không gian mạng là mạng lưới

kết nối toàn cầu của các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm Internet, các mạng viễn thông, các hệ thống máy tính, các hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, là nơi con người có thể thực hiện hành vi xã hội không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

(8) Tác động đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, *an ninh con người*: ngày 01/11/2002, tại Hội nghị Thượng đỉnh lần thứ 6 giữa các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc ngày 04/11/2002, cụm từ “*an ninh phi truyền thống*” chính thức xuất hiện trong “*Tuyên bố chung ASEAN - Trung Quốc về hợp tác trên lĩnh vực an ninh phi truyền thống*”.

Theo quan điểm của Liên hợp quốc, gồm 10 mối đe dọa: (1) khủng bố, (2) ma túy, (3) hải tặc, (4) rửa tiền, (5) tin tặc, (6) thảm họa môi trường, (7) dịch bệnh, (8) mua bán người, (9) di cư trái phép và (10) cực đoan dân tộc, tôn giáo. Sau đó được sử dụng rộng rãi, phổ biến trên nhiều diễn đàn quốc tế thảo luận về các vấn đề chính trị, kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại; trong chiến lược quốc phòng, an ninh của nhiều quốc gia - dân tộc,

cũng như trong hợp tác an ninh của nhiều khu vực và thế giới. *An ninh phi truyền thống mang tính xuyên quốc gia; mang tính phi chính phủ; có sự chồng lấn tương đối giữa thách thức an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống; mang tính toàn cầu, tác động đến môi trường an ninh của các nước và an ninh con người.*

Tội phạm lợi dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ để thay đổi phương thức, biện pháp hoạt động khiến cho công tác phòng ngừa, đấu tranh trở nên khó khăn hơn nhiều, nhất là đối với những nước tiềm lực yếu. Tội phạm về an ninh chính trị, khủng bố, ly khai... tổ chức hoạt động chống phá dưới nhiều hình thức tinh vi hơn, khả năng gây mất ổn định chính trị cục bộ, thậm chí ở quy mô quốc gia và khu vực, cũng nhanh chóng, nguy hiểm hơn. Hiện nay, tình hình an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao trên thế giới và ở Việt Nam diễn biến phức tạp, nổi lên là:

Sử dụng không gian mạng để tấn công nhằm phá hoại, gây đình trệ hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, hoạt động của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Mục tiêu tấn công là các hệ

thống thông tin quan trọng như Chính phủ điện tử; hệ thống điều khiển giao thông đường bộ, đường hàng không, cung cấp điện, nước, điều khiển nông nghiệp công nghệ cao; các sân bay, nhà ga, bến cảng, ngân hàng...

Đại hội XIII chỉ rõ các thách thức liên quan đến an ninh quốc gia như an ninh mạng, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), an ninh con người tác động lên chính quyền, con người... Bảo vệ an ninh quốc gia đang có xu hướng mở rộng cả trong không gian thuộc quyền quản lý của quốc gia, không gian mạng. Bảo vệ an ninh quốc gia không chỉ giới hạn trong phạm vi biên giới hành chính quốc gia mà còn được mở rộng trong không gian chiến lược nhằm bảo vệ lợi ích của đất nước¹.

II. YÊU CẦU VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

1. Bài học từ một số quốc gia

Nhiều quốc gia rất hạn chế về tài nguyên, khó khăn về các nguồn lực

nhưng là những quốc gia phát triển đứng top đầu thế giới về kinh tế, quốc phòng, an ninh và khoa học công nghệ như: Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái lan... Nhờ mở cửa thành công và thành công thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) mà công nghiệp hóa trở thành động lực tăng trưởng của các quốc gia này.

Israel là quốc gia khó khăn về tài nguyên, đất, nước, khoáng sản nhưng luôn đứng vững ở vị trí hàng đầu về công nghệ trong một số lĩnh vực, trong số đó có công nghệ sạch, công nghệ nông nghiệp, khoa học đời sống, công nghệ thông tin, công nghệ số và an ninh, quốc phòng. Là quốc gia có tỉ lệ phần trăm lớn nhất thế giới về số lượng các kỹ sư trong lực lượng lao động và có tỉ lệ cao nhất về bằng cấp đại học và các ấn phẩm học thuật trên đầu người. Những sáng tạo tinh xảo nhất được phát triển thông qua sự kết hợp của nhu cầu cần thiết, chứng tỏ kỹ năng giải quyết vấn đề và sáng tạo; Israel (chiếm 25 % giải thưởng Nobel trên thế giới).

Bài học đưa quốc gia phát triển thành công phải qua công tác đào tạo, có đủ nguồn nhân lực đủ điều kiện

làm việc trong môi trường quốc tế rất quan trọng, bởi như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “*cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”. Vì tính phức tạp nêu trên, nên người cán bộ lãnh đạo, quản lý làm việc trong môi trường quốc tế chỉ thành công khi hội đủ trình độ, phẩm chất, năng lực nhất định, thậm chí đó là *năng lực vượt trội* so với các hoạt động mang tính quốc nội (*trình độ học vấn, chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, vốn văn hóa, sự trải nghiệm*). Tùy theo trình độ, khả năng nhận thức và sự trải nghiệm của từng cán bộ lãnh đạo, quản lý mà sự tác động của từng yếu tố này cũng khác nhau. Điều này lý giải tại sao trong thực tế cùng một trình độ như nhau, môi trường làm việc như nhau, nhưng có người làm việc có hiệu quả, có người làm việc lại kém hiệu quả.

2. Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về *tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp: Thực trạng và giải pháp tăng cường năng lực làm việc trong môi trường quốc tế của đội ngũ cán bộ lãnh*

đạo, quản lý ở các cơ quan Trung ương. Đồng thời cũng chỉ rõ những mặt còn hạn chế, như: “*nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế*”.

(1) *Thực trạng và những bất cập:*

Bất cập lớn trong hệ thống giáo dục của nước ta hiện nay là ít coi trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp. “*Bệnh thành tích*”, “*bằng cấp*” rất nặng. Công tác tuyển chọn trong các cơ quan quản lý nhà nước, các công sở tiêu chí không cao, hoặc không nhắc tới những người này. Tại Nhật Bản sinh viên tốt nghiệp các trường đại học danh tiếng từ số 1 đến số 10 được nhận vào làm việc tại các cơ quan hành chính nhà nước. Qua khảo sát tại trường đại học Kinh tế Quốc dân chỉ có 10 % công chức, chuyên gia xuất phát từ những sinh viên loại giỏi, 90% còn lại học tập không giỏi.

Số có bằng cấp chứng chỉ nghề thấp so với tổng số lao động qua đào tạo. Theo một kết quả khảo sát gần đây, chất lượng nhân lực của nước ta đạt

3,79/10 điểm, đứng thứ 11/12 nước ở châu Á tham gia xếp hạng. Chỉ số cạnh tranh nhân lực đạt 4,3/10 điểm, xếp hạng 56/133 nước.

Nhân lực đào tạo hàng năm của nước ta tăng nhưng thiếu chuyên gia trình độ cao, thiếu công nhân lành nghề; chỉ số kinh tế tri thức (KEI) đạt 3,02/10 điểm, xếp thứ 102/133 quốc gia phân loại. Chất lượng nhân lực tại nước ta còn nhiều yếu kém, năng suất lao động thấp so với các nước trong khu vực: Năng suất lao động Trung Quốc cao gấp 2,5 lần, Malaysia 10 lần, Hàn Quốc 26 lần, đáng chú ý là năng suất lao động của nước ta tăng chậm so với các nước đang phát triển trong khu vực. Khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin làm công cụ làm việc hạn chế.

Dù Nhà nước đã xác định khoa học và công nghệ đóng vai trò then chốt trong việc phát triển kinh tế xã hội bền vững, nhưng hiện nay, nhân lực khoa học công nghệ còn mỏng và yếu, chưa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu một số vấn đề mới, phức hợp, đòi hỏi hàm lượng khoa học và công nghệ cao. Nhiều ngành nghề mất cân đối trong đào tạo, thiếu nguồn nhân

lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hoá-hiện đại hoá với yêu cầu phát triển đất nước như những ngành, lĩnh vực: công nghệ biển, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nanô, công nghệ sinh học...

Thiếu cán bộ đầu đàn ở một số lĩnh vực khoa học, đặc biệt là thiếu cán bộ trẻ kế cận có trình độ cao. Chất lượng nghiên cứu, hiệu quả thực tế của các đề tài nghiên cứu còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm lực, chưa gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học; lĩnh vực hoạt động còn hẹp. Việc chuẩn bị nhân lực khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp chưa đầy đủ; năng lực làm chủ, vận hành, chuyển giao công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu...

Chất lượng nghiên cứu, hiệu quả thực tế của các đề tài nghiên cứu còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm lực, chưa gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học; lĩnh vực hoạt động còn hẹp. Việc chuẩn bị nhân lực khoa học công nghệ trong các lĩnh vực then chốt của ngành chưa chủ động; năng lực làm chủ, vận hành, chuyển giao công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu...

(2) *Yêu cầu về số lượng, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 được xác định rõ:*

Đối với cán bộ cấp chiến lược: thực sự tiêu biểu về chính trị, tư tưởng, phẩm chất, năng lực và uy tín; *trên 15% dưới 45 tuổi; từ 40 - 50% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.*

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tổng cục, cục, vụ, phòng và tương đương ở Trung ương: *từ 20 - 25% dưới 40 tuổi; từ 50 - 60% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.*

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương: *từ 15 - 20% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi, từ 25 - 35% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; từ 20 - 25% cán bộ lãnh đạo chủ chốt và uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cấp huyện dưới 40 tuổi. Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã: 100% có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác.*

Đối với cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân đội, công an: tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân; có ý thức tổ chức kỷ luật

nghiêm, sức chiến đấu cao; có số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; từ 20 - 30% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

Đối với đội ngũ cán bộ khoa học, chuyên gia: đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Hình thành đội ngũ chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học ở những lĩnh vực trọng điểm, có thể mạnh, đạt trình độ ngang tầm khu vực và thế giới. Số cán bộ khoa học đạt ít nhất 11 người trên 1 vạn dân.

Đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước: nâng cao tính Đảng và ý thức tuân thủ pháp luật; sản xuất, kinh doanh hiệu quả; từ 70 - 80% có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế”.

Mục tiêu này thể hiện tính cấp bách của thực tiễn và chiến lược hết sức rõ ràng của Đảng ta về công tác cán bộ trong điều kiện hội nhập quốc tế đang diễn ra hết sức mạnh mẽ, cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đặc biệt là yêu cầu hội nhập quốc tế tinh thần mới. Vì vậy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nói chung và ở các cơ quan Trung ương nói riêng cần phải được xây

dựng theo *một khung năng lực* được thiết kế bài bản, khoa học, có tầm nhìn và lộ trình cụ thể thì mới đáp ứng được yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế. Đại hội XIII đã đề ra các mục tiêu phát triển của đất nước và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát huy nhân tố con người. Để có thể hiện thực hóa khát vọng đứng vào hàng ngũ các nước phát triển đến năm 2045, Việt Nam cần có đội ngũ cán bộ với năng lực hội nhập và hợp tác quốc tế.

3. Về tiêu chí năng lực và môi trường quốc tế

(1) *Môi trường quốc tế*, trong quan hệ quốc tế, “*môi trường quốc tế*” vốn được hiểu là không gian và tương tác giữa các chủ thể của quan hệ quốc tế, trong đó quan trọng nhất là các quốc gia.

Theo nghĩa rộng, “*môi trường quốc tế*” là không gian có sự tham gia của các cá nhân, tổ chức nước ngoài với nhiều cấp độ, từ song phương đến đa phương, từ chính thức đến phi chính thức, trên các ngành nghề khác nhau, là tổng thể các điều kiện kinh tế, chính trị, đối ngoại, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng... đại diện cho quan hệ lợi ích trên các lĩnh vực then chốt, đan

xen, tương tác, ràng buộc lẫn nhau giữa nước ta với các nước, tổ chức quốc tế.

Theo nghĩa hẹp, “môi trường quốc tế” được giới hạn là không gian tương tác của những cán bộ công tác tại các bộ, ban, ngành Trung ương và địa phương Việt Nam với các đối tác tương ứng nước ngoài.

(2) *Năng lực làm việc là:* tổng hợp những đặc điểm, thuộc tính tâm lý, kiến thức, kỹ năng và hành vi của cá nhân phù hợp với yêu cầu hoạt động của một loại hình tổ chức nhất định nhằm bảo đảm cho hoạt động của tổ chức đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Năng lực làm việc trong môi trường quốc tế gồm: kiến thức, kỹ năng và thái độ/hành vi... của CBCC làm việc trong MTQT, đòi hỏi phải thích ứng, phù hợp với môi trường làm việc, phải có những năng lực chuyên biệt, tác phong làm việc chuyên nghiệp, bảo đảm cho việc thực hiện công việc có tính sáng tạo, xử lý hài hòa các mối quan hệ lợi ích về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại... của đất nước trong MTQT. Môi trường không gian số... phù hợp với luật pháp quốc gia, luật

pháp nước sở tại và luật pháp quốc tế.

Trong xu thế của thế giới thế kỷ 21 và kỷ nguyên số là đề cao tầm quan trọng các các kỹ năng mềm, nhất là trong thời đại 4.0. thế giới đang hình thành một cuộc cách mạng về tư duy đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất, kỹ năng cần có cho người lao động trong thế kỷ 21.

Tại Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF), GS. Klaus Schwab, Giám đốc Điều hành WEF đã đưa ra 16 kỹ năng cần có cho các sinh viên trong thế kỷ 21, trong đó có: 6 *kỹ năng nền tảng* như kiến thức về ngôn ngữ, số và toán, kiến thức khoa học, kiến thức công nghệ thông tin, truyền thông, kiến thức tài chính, văn hoá, dân sự; 4 *kỹ năng giải quyết các vấn đề phức tạp* (như tư duy phản biện, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, liên kết); 6 *tính cách* (như tò mò, sáng kiến, kiên trì, thích ứng hoàn cảnh, năng lực lãnh đạo, khả năng nhận thức năng lực xã hội và văn hoá).

Nghị quyết số 26/NQ-TW xác định ***điều kiện bảo đảm rèn luyện đội ngũ cán bộ làm việc hiệu quả, chất lượng trong môi trường quốc tế gồm:*** (i) Ngoại ngữ; (ii) Sử dụng tốt tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương;

(iii) Hiểu biết về văn hóa; (iv) Rèn luyện tư duy linh hoạt; (v) Làm chủ công nghệ; (vi) Sửa đổi kỹ năng giao tiếp và ứng xử hiệu quả.

III. VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG PHẨM CHẤT NĂNG LỰC CỐT LÕI

1. Yêu cầu về kiến thức, trình độ, năng lực chuyên môn

Về kiến thức

Một là, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về vị trí, công việc đảm nhận. Kiến thức chuyên môn sâu giúp cho cán bộ công chức có khả năng phân tích nắm bắt cơ hội, đẩy lùi thách thức, trên cơ sở đó lựa chọn đối tác và phương pháp hợp tác trong hội nhập quốc tế. Vì vậy, kiến thức chuyên môn về ngành/linh vực phải sâu rộng để nhận diện, phân tích những thuận lợi và khó khăn, qua đó, xác định cách thức hợp tác hiệu quả, phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra.

Hai là, kiến thức về pháp luật. Làm việc trong môi trường quốc tế (MTQT) trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng đòi hỏi cán bộ, công chức (CBCC) không chỉ hiểu biết sâu rộng kiến thức pháp luật trong nước mà còn phải hiểu biết sâu rộng về luật pháp nước sở tại, luật

pháp và thông lệ quốc tế (*Kiến thức về Nhà nước pháp quyền, thượng tôn pháp luật...*).

Ba là, kiến thức về kinh tế, chính trị.

Để đáp ứng được yêu cầu làm việc trong MTQT, CBCC cần hiểu rõ hệ thống chính trị quốc tế, hiểu sâu sắc về chính trị quốc tế, đặc biệt là mối quan hệ giữa các nước trên thế giới và những nước có quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, các nước ASEAN và những nước láng giềng với nước ta. Hoạt động trong môi trường kinh doanh quốc tế, doanh nghiệp buộc phải có kiến thức nhất định về kinh tế (*kinh tế vĩ mô, vi mô; môi trường kinh tế số, điện toán đám mây; các chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia, vùng, địa phương; các chỉ số đánh giá lợi ích kinh tế, xã hội...*). Các kiến thức về kinh tế sẽ giúp các nhà kinh doanh xác định được ảnh hưởng của những chính sách kinh tế của một quốc gia đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Bốn là, kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử, đặc biệt cần phải nhạy bén với thực tế. Để làm việc trong môi trường đa văn hóa, ngoài kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử trong nước, CBCC

cần am hiểu văn hóa, xã hội, lịch sử của các nước khác. Cần phải có sự hiểu biết văn hóa của mỗi quốc gia, khu vực để có ứng xử phù hợp, rèn kỹ năng làm việc thích ứng với môi trường đa văn hóa.

Mỗi quốc gia, thậm chí trong từng vùng quốc gia, các dân tộc khác nhau có tập quán (sản xuất, kinh doanh, giao tiếp, tiêu dùng...), có lối sống và ngôn ngữ riêng, do đó các nhà kinh doanh cần phải biết rõ và hành động cho phù hợp với từng hoàn cảnh của môi trường mới. Chẳng hạn, nếu nhà kinh doanh nào đó mang các sản phẩm chế biến từ thịt lợn đi tiêu thụ ở I-rắc, Xi-ri (theo đạo Hồi)... hoặc đem thịt bò đến bán ở Ấn Độ (đi xe ô tô gây tai nạn cho người không sợ bằng đâm phải con bò), vì những sản phẩm đó theo tập quán, tôn giáo thì ở các quốc gia này đều cấm kỵ hoặc khi tiếp xúc tránh chỉ các đầu ngón tay vào họ.

Năm là, có kiến thức về khoa học - công nghệ. Năng lực làm việc trong xã hội công nghệ số; kết nối thế giới thực, thế giới ảo. Yêu cầu CBCC cần phải làm chủ công nghệ nếu không sẽ bị bỏ lại phía sau, đặc biệt để làm việc được

trong MTQT, làm việc qua môi trường mạng online, có những quan hệ hàng chục năm chỉ qua online.

Năm các chỉ số đánh giá năng lực phát triển trên các lĩnh vực.

Chỉ số môi trường kinh doanh (DB) của Ngân hàng thế giới. Báo cáo Môi trường kinh doanh (*Doing Business - DB*) do WB công bố hàng năm từ năm 2003 đến nay là báo cáo kết quả khảo sát, điều tra về các quy định dẫn tới thúc đẩy hoặc hạn chế hoạt động kinh doanh của 190 nền kinh tế trên thế giới. *Chỉ số DB: 10 trụ cột, 2 nhóm, 34 chỉ số thành phần.*

Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh toàn cầu (Global Competitiveness Index) trong Cách mạng 4.0 (GCI 4.0) của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF). GCI 4.0 cũng dựa trên 4 trụ cột, 12 nhóm với 98 chỉ số.

Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO). GII được tích hợp từ 7 nhóm chỉ số lớn, mỗi nhóm chỉ số này được tích hợp từ 03 nhóm chỉ số nhỏ. Mỗi nhóm chỉ số này gồm từ 2 - 5 chỉ số thành phần, tổng thể có 80 chỉ số thành phần và thay đổi tùy từng năm.

Chỉ số hiệu quả logistics (Logistics Performance Index - LPI) do WB công bố. Chỉ số LPI quốc tế gồm có 6 chỉ số trụ cột để đánh năng lực logistics của một quốc gia.

Chỉ số phát triển con người (HDI) của UNDP. Con người là chủ thể và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người là mục tiêu cuối cùng phát triển của các quốc gia. Phát triển con người là sự phát triển nhân văn vì con người, của con người và do con người. Chỉ số HDI: 3 nhóm, 4 chỉ số thành phần.

BS 8001:2017- tiêu chuẩn BSI Khung thực hiện các nguyên tắc của nền kinh tế tuần hoàn,

Chỉ số chi tiết trong ISO 37122, Phiên bản thứ nhất tháng 5/2019 cung cấp điểm tham chiếu quốc tế cho cộng đồng và các thành phố bền vững quản trị TP thông minh.

Sáu là, kiến thức về lãnh đạo, quản lý và khả năng lãnh đạo, quản lý. Để làm việc có năng suất và hiệu quả cao và thích ứng với MTQT, ngoài những nhóm kiến thức trên, mỗi CBCC cần có kiến thức về lãnh đạo, quản lý bởi một điều đơn giản là để làm việc tốt, trước hết cá nhân CBCC cần phải có

khả năng lãnh đạo, quản lý bản thân mình trước.

Lãnh đạo (nguyên gốc từ LEAD của Hy Lạp) là dẫn dắt, định hướng, đề ra sách lược để phát triển một đơn vị, một ngành, một địa phương, một đất nước và dẫn dắt cổ vũ đơn vị, ngành, địa phương thực hiện theo đúng chủ trương đường lối đã vạch ra. Quản lý là một hoạt động thiết yếu, phối hợp sự nỗ lực của các cá nhân nhằm đạt mục tiêu của tổ chức, của nhóm; mục tiêu của nhà quản lý thiết kế xây dựng môi trường trong đó từng cá thể nỗ lực thực hiện đạt mục tiêu của tổ chức đảm bảo 3 lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tổ chức, và của từng cá nhân một cách hài hòa.

Theo Drucker nhà kinh tế nổi tiếng thế giới “không có các quốc gia kém phát triển, chỉ có quốc gia quản lý kém là nguyên nhân dẫn đến các quốc gia kém phát triển”. Khả năng “lãnh đạo, quản lý” bản thân thành công cần có tầm nhìn, khát vọng, quyết đoán, gương mẫu, chính trực và tự tin. Cách suy nghĩ, cách làm, đặc biệt cách nghĩ “tôi có thể” sẽ giúp cho mỗi cá nhân dẫn đầu và truyền cảm hứng cho đồng nghiệp, cho mọi người xung quanh

mình. Tuy nhiên, để đạt được điều này, mỗi cá nhân cần có những kế hoạch hành động cụ thể, phù hợp với môi trường làm việc của tổ chức và đặc biệt trong MTQT.

Quản trị: là tạo ra giá trị thặng dư. Chức năng chính của quản trị là việc đưa ra các quyết định. Quản trị giúp tìm ra phương thức phù hợp để công việc hiệu quả cao nhất, chi phí ít nhất.

(2) *Về tác phong, kỹ năng giao tiếp, làm việc trong môi trường quốc tế phải tuân theo những kỷ luật, tác phong nghiêm ngặt nhất định, đặc biệt đối với những phong cách đã trở thành giá trị phổ quát mang tính thông lệ quốc tế. Do đó, cần có kỷ luật cao; có khả năng làm việc độc lập; có khả năng tổ chức nhóm và làm việc nhóm, có phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế. Một yêu cầu cấp bách là phải khắc phục tình trạng yếu kém về ngoại ngữ. Nhiều cán bộ làm việc chủ yếu qua phiên dịch, thường rơi vào trạng thái thụ động, tự ti trong giao tiếp, làm việc. Vì vậy, cần phải xây dựng chiến lược quốc gia về đào tạo ngoại ngữ cho cán bộ, thông qua những cách làm phù hợp, khắc phục*

cách đào tạo không hiệu quả tồn tại bấy lâu nay. Trong thời đại xã hội công nghệ số thì cán bộ phải nắm công nghệ IT, phương thức làm việc trong môi trường thực và “ảo”.

Làm việc trong môi trường quốc tế phải chủ động nắm bắt, đánh giá đúng thông tin, sát với tình hình thực tiễn. Để có khả năng dự báo đúng cục diện quốc tế tác động thế giới và nước ta, phải có tầm nhìn dài hạn, tư duy chiến lược và năng lực dự báo khoa học, nhạy bén trong nhận diện cơ hội, thách thức và chủ động nắm bắt thời cơ.

(3) *Kỹ năng ngoại ngữ và năng lực gây dựng hình ảnh và tác phong làm việc chuyên nghiệp*

Ngoại ngữ là kỹ năng cần thiết, giúp CBCC có thể kết nối với mọi người với đủ màu da, quốc tịch trong môi trường làm việc quốc tế, chuyên nghiệp. Ngoại ngữ là chiếc chìa khóa mở ra kho tàng tri thức vô tận từ nhiều nguồn khác nhau, dù là sách báo, audio, video hay tài liệu online ngoại văn. Mỗi CBCC năng động sẽ cảm thấy cần cho mình ít nhất một ngoại ngữ. Trên thực tế, kỹ năng ngoại ngữ của CBCC còn những hạn chế, nên nhiều CBCC làm việc chủ yếu qua phiên dịch, nên dễ rơi vào

trạng thái thụ động, tự ty trong giao tiếp, trong giải quyết công việc. Vì vậy, cần phải xây dựng chiến lược quốc gia về đào tạo ngoại ngữ cho CBCC thông qua những cách làm phù hợp, khắc phục tình trạng kỹ năng ngoại ngữ còn hạn chế, phục vụ tốt hơn CBCC làm việc trong MTQT.

Làm việc trong MTQT phải tuân theo những kỷ luật, tác phong nghiêm ngặt nhất định, đặc biệt đối với những phong cách đã trở thành giá trị phổ quát mang tính thông lệ quốc tế. Do đó, CBCC cần có kỷ luật cao; có khả năng làm việc độc lập, có tác phong làm việc chuyên nghiệp. Trong các cuộc đàm phán, đối tác bao giờ cũng tìm cách áp đặt các luật chơi có lợi cho họ, nên CBCC làm việc trong MTQT phải thích ứng với cường độ lao động cao, có phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại phù hợp với thông lệ quốc tế. Môi trường làm việc quốc tế luôn thay đổi, vì vậy, CBCC chuyên nghiệp phải luôn sẵn sàng thích ứng với hoàn cảnh mới, làm việc chuyên nghiệp, thể hiện hình ảnh của tổ chức và cá nhân người CBCC.

Những thách thức Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khóa XII chỉ rõ:

Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đồng đều, thiếu tính chuyên nghiệp, làm việc không đúng chuyên môn, sơ suất; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế. Thực tế cho thấy, vì hạn chế về trình độ ngoại ngữ, nên nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý còn tỏ ra thiếu tự tin khi giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài. Ngoài ra, còn tình trạng một số cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan Trung ương chưa am hiểu luật pháp quốc tế, nên khả năng đàm phán, tham mưu còn hạn chế; thiếu khả năng nắm bắt, đánh giá và dự báo cục diện, tình hình quốc tế, nhất là những dự báo tầm chiến lược.

Một thực trạng khá phổ biến hiện nay là nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan Trung ương có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học..., nhưng lại không đủ năng lực sử dụng thực sự, lúng túng khi làm việc trong môi trường quốc tế. Một số cán bộ đi học chỉ vì bằng cấp để chuẩn hóa chức danh. Do vậy, vẫn còn khoảng cách khá xa, độ chênh lớn giữa bằng cấp và trình độ, năng lực thực và điều này ảnh hưởng rất nhiều

tới chất lượng công việc và khả năng hội nhập quốc tế.

Lựa chọn các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc trong nhóm các trường đại học hàng đầu và chọn sinh viên trong lớp đầu vào các cơ quan hành chính quản trị nhà nước. Những cán bộ được đào tạo bài bản ở nước ngoài, nhất là các nước phát triển trên thế giới, có được những thuận lợi rất cơ bản, như giỏi ngoại ngữ, tin học, am hiểu văn hóa, luật pháp của các nước sở tại, có tác phong, kỹ năng giao tiếp tốt, tư duy năng động, sáng tạo và được học tập, làm việc trong môi trường quốc tế, tỏ ra thích ứng tốt với môi trường làm việc quốc tế vốn mang tính đa văn hóa. Mặc dù vậy, một số cán bộ trong số đó lại chưa có phẩm chất chính trị thật sự vững vàng, chưa nắm chắc những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thiếu hiểu biết sâu sắc về lịch sử, văn hóa của dân tộc.

2. Chủ động xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ hoạt động đối ngoại chuyên nghiệp

(1) *Về yêu cầu, có năng lực xuất sắc, đáp ứng yêu cầu làm việc trong các*

định chế quốc tế, thông qua đó góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Những cán bộ này cần được đào tạo một cách bài bản, căn cơ, có đầu tư đặc biệt, xứng đáng cả về tinh thần lẫn vật chất và tạo điều kiện cho họ rèn luyện, đóng góp, phát huy hết khả năng của mình trong môi trường làm việc quốc tế.

Yêu cầu mới về năng lực nhân sự đòi hỏi phải thay đổi chương trình đào tạo, tạo ra những con người có năng lực tư duy và sáng tạo - đổi mới, có kỹ năng phân tích và tổng hợp thông tin, có khả năng làm việc độc lập và ra quyết định dựa trên cơ sở phân tích các chứng cứ và dữ liệu, có “kỹ năng công nghệ” (*technology skill*), kỹ năng làm việc nhóm (với cả những người không quen biết trên thế giới có cùng chung chí hướng), phong cách làm việc chuyên nghiệp, cẩn mật, có óc tổ chức, tư duy thương thảo, khả năng truyền thông, ngoại ngữ, khả năng giải quyết mâu thuẫn, thậm chí xung đột từ xa..., am hiểu luật pháp nhiều quốc gia, có khả năng

thích nghi với các thách thức và yêu cầu công việc thay đổi liên tục để tránh nguy cơ bị đào thải.

Vì vậy, chúng ta cần nhanh chóng áp dụng từ việc quản lý, cho tới giảng dạy và học tập theo tiêu chuẩn mới (giáo dục 4.0) với sự hỗ trợ của công nghệ, chẳng hạn các hệ thống quản lý học tập trên Internet như Blackboard hoặc Moodle, các thiết bị đa phương tiện, các phần mềm mô phỏng, sử dụng phương pháp học tập hỗn hợp (*blended learning*) và lớp học đảo ngược (*flipped classroom*).

(2) Trong đó, *dạy học 4.0* gồm: có nhiều hình thức học tập mới (cả trực tiếp & trực tuyến), thời gian và địa điểm học tập không bị ràng buộc, có sự thay đổi phù hợp với đối tượng học, cung cấp nhiều kỹ năng phù hợp hơn.

Quá trình dạy cần chuyển từ truyền thụ kiến thức sang hình thành phẩm chất và phát triển năng lực người học (tổ chức nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp); chuyển phát triển giáo dục và đào tạo từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng cả số lượng, chất lượng và hiệu quả; chuyển từ chỉ chú trọng giáo dục nhân cách nói chung sang kết hợp

giáo dục nhân cách với phát huy tốt nhất tiềm năng cá nhân; chuyển từ quan niệm cũ có kiến thức là có năng lực sang quan niệm kiến thức chỉ là yếu tố quan trọng của năng lực. Việc học cần chuyển từ học thuộc, nhớ nhiều sang hình thành năng lực vận dụng, thích nghi, giải quyết vấn đề, tư duy độc lập.

(3) *Đối với, quản lý giáo dục 4.0*: cần xây dựng những công cụ thông minh, gồm cả công cụ quản lý đại học và săn sóc sinh viên dựa trên thẻ thông minh, phần mềm trí tuệ nhân tạo, bản địa hóa kho tài liệu học và đẩy mạnh liên kết quốc tế. Kết hợp với việc ứng dụng các mô hình giáo dục: Phòng học ảo, thầy giáo ảo, thiết bị ảo, phòng thí nghiệm, thư viện ảo... dưới sự hỗ trợ của các thiết bị thông minh; tạo điều kiện và yêu cầu sinh viên từ năm thứ 3 phải tham gia các nhóm nghiên cứu, và các đề tài này phải gắn liền với giải quyết một vấn đề cụ thể trong chuyên môn, hoặc hoặc trong đời sống kinh tế, xã hội...

Gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; đồng thời, đẩy mạnh hình thành các cơ sở đào tạo trong doanh nghiệp là cần thiết để

chia sẻ các nguồn lực chung. Thay đổi từ chỗ “*dạy những gì giới học thuật sẵn có*” sang “*dạy những gì thị trường cần, xã hội cần*”, hoặc thậm chí xa hơn là “*dạy những gì thị trường và xã hội sẽ cần*”. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động tới tất cả các ngành, lĩnh vực trên diện rộng. Việc chuyển đổi mô thức giáo dục cho phù hợp với yêu cầu mới là bắt buộc và cần thực hiện ngay với sự hợp tác - liên kết giữa các Bộ, Ban, Ngành và các nguồn lực xã hội. Việc chuyển đổi đào tạo nên tiến hành với ngay những *lớp cán bộ lãnh đạo trẻ*, có như vậy Việt Nam mới có hy vọng bắt kịp sự thay đổi mà cuộc cách mạng công nghiệp đang diễn ra.

3. Chủ động đẩy mạnh hợp tác quốc tế và thu hút tư nhân tham gia đào tạo nguồn nhân lực đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Đối với những lĩnh vực mà các đối tác, các nước có thể mạnh, chúng ta phải chủ động thúc đẩy hợp tác để tranh thủ nguồn lực hỗ trợ, đặc biệt trên các phương diện luật quốc tế, chuyên môn sâu với những ngành mới, đào tạo ngoại ngữ... Hội nhập quốc tế là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, vì vậy, phải có cơ chế mô hình PPP (*đối tác công tư*); tạo thành một phong trào xã hội, mỗi người đều có ý thức tự giác, có kế hoạch hành động tự hoàn thiện năng lực cá nhân làm việc trong môi trường quốc tế ■

¹ Nguyễn Văn Thành, “Chủ quyền quốc gia trên không gian mạng - những yêu cầu đảm bảo các chỉ số an ninh - an toàn trong bối cảnh hiện nay”, ngày 09/12/2021, <http://hdl.vn/vi/nguyen-cuu-trao-doi/chu-quyen-quoc-gia-tren-khong-gian-mang-nhung-yeu-cau-dam-bao-cac-chi-so-an-ninh-an-toan-trong-boi-can-hien-nay.html>

PHÁT HUY CHỦ NGHĨA ANH HÙNG CÁCH MẠNG BẢO VỆ VỮNG CHẮC AN NINH QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

● TS BÙI TRƯỜNG GIANG

Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Đổi mới tư duy lý luận và đúc kết thực tiễn cách mạng về an ninh quốc gia trong tình hình mới

Kể từ khi có Đảng Cộng sản Việt nam lãnh đạo, lịch sử Việt Nam đã có những bước phát triển về lý luận cách mạng, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Đảng ta, đứng đầu là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh nhờ có lý luận Mác - Lênin soi sáng, đã kế tục truyền thống yêu nước, hình thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đủ sức đánh bại các thế lực ngoại xâm và nội xâm, giành độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia, kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh việc nghiên

cứu, vận dụng sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đồng thời đúc kết thực tiễn cách mạng trong nước và quốc tế, từ đó bổ sung, hoàn thiện thành hệ thống quan điểm đúng đắn, sát hợp với tình hình đất nước và xu hướng toàn cầu hóa.

Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng “*Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam*”¹ thực sự là bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, là cảm nang thời đại mới cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta hướng tới mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Luận điểm mấu chốt về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước



Lực lượng Công an nhân dân Việt Nam Công an nhân dân có có nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội _ Ảnh: congan.haiduong.gov.vn

ta được nêu trong bài phát biểu nêu trên của đồng chí Tổng Bí thư là tất cả vì con người, cho con người, vì sự tiến bộ chung: “Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có”. Luận điểm này thể hiện tư duy xuyên suốt, đột phá trong nhận thức lý luận cũng như đúc kết lịch sử dân tộc và thực tiễn cách mạng nước ta, cho thấy Đảng từ khi ra đời đến nay, luôn luôn đặt lợi ích của quốc gia - dân tộc

và người dân là tối thượng. Bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam xây dựng dựa trên học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thực sự vì lợi ích của nhân dân lao động. Đó là nhựa sống trường tồn dân tộc, là sự khác biệt về chất giữa mô hình thể chế chính trị theo định hướng XHCN với các mô hình thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa.

Đối với vấn đề *an ninh quốc gia*, Đảng ta đã từng bước hình thành, bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận, đúc kết thực tiễn, tạo ra những bước phát triển mới, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ

bảo vệ an ninh quốc gia, góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Giá trị cốt lõi trong toàn bộ hệ thống lý luận và đúc kết thực tiễn về vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia qua 92 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là vai trò, vị trí của nhân dân trong sự nghiệp đấu tranh giành lại độc lập, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và giữ vững an ninh quốc gia. Thấm nhuần triết lý lịch sử “*Dân là gốc*”, đồng thời lĩnh hội chủ nghĩa Mác - Lênin về việc coi sự nghiệp cách mạng là của quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ mối quan hệ giữa Công an với nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia: “*Nhiệm vụ của Công an là: Bảo vệ nhân dân, giữ gìn trật tự trị an, tẩy trừ kẻ gian tế. Muốn làm tròn nhiệm vụ nặng nề mà vẻ vang ấy, Công an cần phải đoàn kết nhân dân, tổ chức và giáo dục nhân dân, dựa vào lực lượng rộng lớn của nhân dân. Như vậy, nhân dân sẽ ra sức giúp Công an làm tròn nhiệm vụ*”².

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Công an nhân dân có có nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, nhưng không phải là một khái

niệm quốc gia chung chung mà cụ thể, trước hết, trên hết là phải bảo vệ cuộc sống cho người dân, trấn áp các thế lực thù địch, phản động, gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định cho xã hội phát triển ngày một tốt đẹp hơn. Đồng thời, *Công an nhân dân còn phải vừa “chống” thù trong giặc ngoài, vừa phải “xây” lực lượng của chính mình, tự mình đốn, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ chuyên nghiệp cho lực lượng của mình, và quan trọng hơn là phải xây dựng được lực lượng to lớn nhất là Nhân dân*, phải tuyên truyền, giáo dục, vận động, quần chúng nhân dân thực hiện mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, hết lòng ủng hộ, giúp đỡ Công an nhân dân hoàn thành nhiệm vụ. Nền an ninh nhân dân, thế trận lòng dân từ đó mà ra, đó là điều kiện tiên quyết bảo đảm thắng lợi trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đến Đại hội XIII của Đảng, khái niệm an ninh quốc gia được Đảng ta tư duy toàn diện, bao quát hơn, mang những giá trị phổ quát về bảo vệ an ninh cho những lợi ích tối thượng của đất nước, đặt con người vào vị trí trung tâm của an ninh quốc gia³.

Trong Nghị quyết Đại hội XIII, khi đề cập tới các nhiệm vụ tăng cường quốc phòng, an ninh đã nhấn mạnh: “Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, *an ninh con người*; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”⁴. Nghị quyết cũng nhấn mạnh: “Chú trọng an ninh, an toàn là một trong những yếu tố hàng đầu trong cuộc sống của người dân”⁵.

Như vậy, theo quan điểm của Đảng ta thì cốt lõi của an ninh quốc gia chính là bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ, bảo vệ vững chắc chủ quyền đất nước, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định cho đất nước phát triển nhanh và bền vững, hiện thực hóa khát vọng dân tộc hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc. Những vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống đều được Đảng nhận thức toàn diện, sâu

sắc, nhất là nhận diện đầy đủ, bao quát các nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia. Điểm mới và cũng là sự đột phá trong tư duy lý luận của Đảng ta về an ninh quốc gia chính là coi “*an ninh con người*” là mẫu số chung của an ninh Tổ quốc. Từ quan điểm này, giúp chúng ta mở rộng đối tượng của an ninh quốc gia là bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ, đe dọa cuộc sống an toàn của người dân; đồng thời mở rộng phạm vi hoạt động và thực thi nhiệm vụ của an ninh quốc gia là phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá, đập tan mọi hoạt động thù địch, hóa giải hận thù dân tộc, xung đột sắc tộc, tôn giáo, bảo vệ tính mạng và sự an toàn của Nhân dân trên mọi phương diện. Tính biện chứng trong quan điểm của Đảng là *coi con người vừa là khách thể, vừa là chủ thể của an ninh quốc gia*. Theo đó, truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, khối đại đoàn kết toàn dân tộc chính là nền tảng tinh thần và giá trị cốt lõi bảo đảm an ninh quốc gia trong tình hình mới.

2. Nhận diện thách thức, âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù

địch, phản động, cơ hội chính trị gây mất an ninh quốc gia hiện nay

Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, kết thúc Chiến tranh lạnh, trật tự đối đầu giữa hai hệ thống tư bản và xã hội chủ nghĩa không còn nữa, nhân đó các thế lực phản động quốc tế không ngừng thúc đẩy chiến lược “diễn biến hòa bình” với nhiều chiêu thức khác nhau, ngày càng tinh vi, thâm hiểm. Trong khi những vấn đề an ninh truyền thống có những diễn biến phức tạp, khó lường, thì những vấn đề an ninh phi truyền thống đã và đang phát sinh, tác động sâu rộng đến an ninh quốc gia của mọi quốc gia-dân tộc. Sự xoay trục chiến lược, cạnh tranh vị trí chi phối toàn cầu, xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, tranh chấp chủ quyền biển đảo, đấu tranh về hệ tư tưởng chính trị, vai trò cầm quyền của đảng, mô hình nhà nước, sự toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia vẫn là những thành tố căn bản trong an ninh truyền thống. Song những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng tác động sâu rộng, gây nhiều thách thức đối với an ninh quốc gia. Chiến tranh thông tin, cuộc chiến không gian

mạng, cách mạng màu, cách mạng đường phố, mâu thuẫn xã hội, xung đột văn hóa, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy, biến đổi khí hậu, an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, an ninh tiền tệ, trừng phạt kinh tế, xung đột thương mại, đại dịch COVID-19... ngày ngày bị các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị sử dụng như những loại vũ khí “không tiếng súng” để tấn công, gây mất an ninh quốc gia, làm bàn đạp để lật đổ đảng cầm quyền, thay đổi chế độ ở nhiều nước. Cuộc xung đột Nga - Ukraina hiện nay không đơn thuần là việc giải quyết mâu thuẫn nội bộ giữa 2 quốc gia từng thuộc Liên Xô trước đây, mà nó đang đặt an ninh toàn cầu vào tình trạng báo động, tiềm ẩn nguy cơ chiến tranh thế giới, đối đầu trực tiếp giữa Nga với Mỹ và NATO. Tuyên bố của Mỹ và NATO về việc coi Nga là “mối đe dọa trực tiếp nhất”, đồng thời cảnh báo những nguy cơ từ phía Trung Quốc mang tính “thách thức hệ thống”, càng gây căng thẳng, đối đầu giữa các siêu cường, làm thay đổi nghiêm trọng môi trường an ninh thế

giới và đe dọa phá vỡ nền hòa bình thế giới.

Đối với nước ta, các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội chính trị trong nước cấu kết với các thế lực phản động ngoài nước, luôn núp dưới chiêu bài sắc tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, môi trường, chống cộng sản, “bài Trung, thoát Hoa, ngả Mỹ, chuộng phương Tây”... để thúc đẩy hoạt động chống phá điên cuồng, hòng cản trở con đường đi lên CNXH của Việt Nam. Những mục tiêu cụ thể mà các thế lực phản động nhắm tới là triệt phá nền tảng tư tưởng của Đảng, đánh đổ vị thế cầm quyền của Đảng, bôi nhọ uy tín của Đảng, Nhà nước, chia rẽ lòng dân với Đảng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lật đổ chế độ. Về tư tưởng, chúng đưa ra luận điệu “Chủ nghĩa Mác - Lênin không còn giá trị”. Về thể chế chính trị, chúng đòi phải “xóa bỏ độc đảng, thực hiện đa nguyên, đa đảng, tam quyền phân lập” giống các nước phương Tây. Chúng cổ súy cho chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa vô chính phủ, đề cao xã hội dân sự, kích động phản đối lại các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chúng bôi nhọ uy tín lãnh

đạo Đảng, Nhà nước, xuyên tạc về các bậc lãnh đạo tiền bối cách mạng, đặc biệt, chúng ngụy tạo những tư liệu lịch sử hòng đánh đổ hình tượng Hồ Chí Minh. Về lịch sử, chúng đổi trắng thay đen, phủ nhận tính chính nghĩa trong các cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc Việt Nam. Về công tác tổ chức cán bộ, chúng kích động tâm lý vùng miền, phe phái, hòng gây nghi ngờ nội bộ. Trong khi cả hệ thống chính trị và nhân dân vào cuộc chống đại dịch COVID-19, chúng tung tin vu cáo Chính phủ thành lập quỹ vắc xin là “vơ vét tiền của dân”. Về đối ngoại, chúng rêu rao rằng “Việt Nam theo đuổi chính sách ngoại giao đu dây giữa Mỹ và Trung Quốc”.

Lợi dụng cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chúng xuyên tạc đó là “đấu đá, thanh trừng nội bộ”. Về văn hóa, giáo dục, chúng tìm cách đưa những giá trị sống thực dụng, văn hóa lai căng, đồi bại, vọng ngoại hòng hủy hoại tâm hồn và thể chất thế hệ trẻ; cuộc xâm lăng văn hóa, xâm lăng giáo dục được chúng coi là “sức mạnh mềm đánh đổ chế độ từ bên trong”. Về báo chí, chúng đòi “tự do ngôn luận” một cách vô tổ chức, vu

cáo “Việt Nam không có tự do báo chí”, ngoài ra chúng lập nhiều trang mạng xã hội với đủ các tên gọi lừa phỉnh, mang động cơ chính trị để làm công cụ tuyên truyền phản động. Vấn đề chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông bị chúng lợi dụng để kích động, chia rẽ hòng làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng, gây mất trật tự, an toàn xã hội. Dựa có một số vụ việc tiêu cực liên quan đến môi trường, đất đai, chúng kích động người dân chống chính quyền, chống các lực lượng bảo vệ pháp luật. Đối với lực lượng vũ trang, từ một số vụ việc cụ thể bị xử lý kỷ luật, chúng qui chụp cho đó là biểu hiện “suy thoái bản chất quân đội, công an”...

Xâu chuỗi các chiêu trò chống phá của các thế lực thù địch, các phần tử phản động, cơ hội chính trị, có thể rút ra nhận định: Kẻ thù đang tìm trăm phương ngàn kế tấn công toàn diện, tổng lực, kết hợp cả an ninh truyền thống với an ninh phi truyền thống hòng phá hoại an ninh quốc gia từ bên trong, trọng tâm, trọng điểm là phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm mất vị thế, uy tín của Đảng và niềm tin của Nhân dân đối với Đảng,

Nhà nước và chế độ. Do vậy, *muốn bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trước hết phải giữ vững an ninh tư tưởng-chính trị trong lòng dân, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới, trên phạm vi trong nước và quốc tế, trên từng địa bàn, lĩnh vực.* Kiên định đường lối độc lập, tự chủ, “chọn chính nghĩa chứ không chọn bên”, nền an ninh quốc gia của Việt Nam do Việt Nam tự quyết, không bị lệ thuộc vào các phe trên bàn cờ chính trị thế giới, nhưng cũng không thể đứng bên ngoài các mối đe dọa an ninh toàn cầu. Hơn nữa, tính chất an ninh quốc gia của Việt Nam khác với an ninh quốc gia ở các nước tư bản chủ nghĩa, sức mạnh của an ninh Việt Nam là nền an ninh nhân dân, sức dân là sức nước ngàn năm. Do vậy, khi xây dựng chiến lược an ninh quốc gia cần phải được đặt trong bối cảnh đối mặt với những thách thức an ninh toàn cầu, phải dựa vào sức mạnh của nhân dân, phát huy hơn nữa truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân, trong đó Công an nhân dân là

nòng cốt, tiên phong, nêu gương, làm theo đúng 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân.

3. Quan điểm tiếp cận và định hướng nhiệm vụ trọng tâm bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới

3.1. Quan điểm tiếp cận bảo vệ An ninh quốc gia trong tình hình mới

- An ninh quốc gia là tổng hòa các mối quan hệ giữa an ninh trong nước với an ninh ngoài nước, giữa an ninh tư tưởng, chính trị, văn hóa với an ninh kinh tế, lương thực, môi trường sinh thái, nguồn nước, nên an ninh quốc gia phải được thực hiện với sự lãnh đạo, chỉ đạo tuyệt đối và trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước, sự phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, giữa các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương, phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp quốc gia - dân tộc, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Khi xác định nội dung, phương thức bảo vệ an ninh quốc gia luôn phải tuân thủ sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, lấy chính trị làm đầu, lấy con người làm trung tâm và lấy xây dựng tiềm lực làm điều kiện đảm bảo. *Tinh thần yêu*

nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng là cội nguồn sức mạnh, ý chí và bản lĩnh của người chiến sĩ Công an Nhân dân.

Kỹ chiến thuật, tổ chức tác chiến chuyên nghiệp, mưu trí, sáng tạo của người chiến sĩ Công an nhân dân cùng với sự đồng tình, ủng hộ của quần chúng nhân dân là sức mạnh bất khả chiến bại của thế trận lòng dân trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới.

- Trong xu thế toàn cầu hóa, chiến lược an ninh quốc gia của Việt Nam cần được đặt trong bối cảnh diễn biến thực tế của an ninh tiểu vùng, an ninh khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, an ninh toàn cầu. Hợp tác cùng chung sống hòa bình, ổn định, phát triển bền vững là mẫu số chung an ninh quốc gia của mỗi nước. Phương châm “đĩ bất biến ứng vạn biến” và nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng thể chế chính trị, mô hình phát triển, xây dựng thế trận lòng dân là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư duy chiến lược về bảo vệ an ninh quốc gia của Việt Nam. Hiện nay, những vấn đề *an ninh xã hội, an ninh con người* đã vượt qua khỏi phạm vi lợi ích an ninh quốc gia của mỗi quốc gia,

trở thành những thách thức xuyên biên giới, mang tính toàn cầu. Chính vì vậy, việc giải quyết những vấn đề này đòi hỏi phải có sự nỗ lực chung tay của cộng đồng quốc tế, những giải pháp và bước đi hài hòa kết hợp giữa kinh tế, chính trị, ngoại giao, pháp luật, khoa học - kỹ thuật và các mặt khác. An ninh quốc gia Việt Nam ngày nay là tổng hòa của an ninh chính trị, an ninh xã hội, an ninh con người⁶.

- Các vấn đề an ninh truyền thống vẫn hiện hữu, có những mặt diễn biến phức tạp, khó lường hơn. Sự cạnh tranh chiến lược giữa các siêu cường thế giới đã và đang tạo nên những đứt gãy địa - chính trị, địa - kinh tế trên phạm vi toàn cầu, đặt an ninh của các quốc gia - dân tộc phải đối mặt cùng lúc với những nguy cơ tiềm ẩn từ cả bên ngoài lẫn bên trong. Do đó, đòi hỏi việc xử lý các vấn đề an ninh quốc gia của Việt Nam phải mang tầm tư duy chiến lược tổng thể, dựa vào các luận cứ khoa học và kinh nghiệm thực tế, dự báo từ sớm, từ xa, đề ra phương án tối ưu cho từng vấn đề, có kịch bản tác chiến sát hợp cho từng tình huống tại các địa bàn cụ thể, tuyệt đối không để an ninh quốc gia rơi vào thế bị động chiến lược.

- Các vấn đề an ninh phi truyền thống đang nổi lên, cùng lúc đan xen với an ninh truyền thống, tác động trực tiếp, sâu rộng tới an ninh quốc gia, làm gia tăng tính phức tạp, diễn biến mau lẹ, khôn lường, gây nhiều bất trắc đối với an ninh quốc gia. Đặc biệt, trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, truyền thông và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, an ninh quốc gia trên không gian mạng trở thành “không gian tác chiến thứ 5”, bao gồm mọi hoạt động chiến tranh và phi chiến tranh sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao diễn ra không chỉ trên lĩnh vực quân sự - an ninh mà còn cả trên các lĩnh vực kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, ngoại giao...

- Trên các lĩnh vực trọng yếu, an ninh tư tưởng là nền tảng tinh thần, có tính quyết định sống còn của chế độ, vì nó là la bàn cho cách mạng, là ngọn đuốc chủ nghĩa yêu nước và bộ phóng cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng. An ninh chính trị là cốt lõi của chế độ, giữ được tính kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. An ninh xã hội là sự ổn định, sự bình yên, của một chế độ, một quốc gia, là trạng thái trật tự, kỷ cương, thịnh vượng,

phát triển của mỗi công dân và cộng đồng xã hội trong lãnh thổ quốc gia dân tộc. An ninh con người là bao trùm các giá trị sống an toàn, tự do, ấm no, hạnh phúc cho người dân. An ninh kinh tế là trung tâm của phát triển đất nước, giữ được tính tự chủ, tự lực, tự cường, sáng tạo, khát vọng giàu đẹp, phồn vinh, hạnh phúc. An ninh văn hóa là bảo tồn, gìn giữ và phát huy được giá trị, bản sắc dân tộc Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển. An ninh lương thực là bảo đảm được cân đối nguồn lương thực quốc gia, giúp dân thoát khỏi đói nghèo, “ai cũng có cơm ăn” như mong muốn tốt bậc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. An ninh năng lượng là bảo đảm nguồn năng lượng phục vụ nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, công nghiệp, giao thông vận tải, và đời sống người dân, tránh các nguy cơ sử dụng năng lượng như một công cụ tấn công vào kinh tế, gây bức xúc trong sinh hoạt hàng ngày của người dân. An ninh môi trường sinh thái là bảo vệ an toàn và tính bền vững của môi trường sống, không gian sinh tồn cho con người và tự nhiên. Trong đó, an ninh tài nguyên, an ninh nguồn nước, là bảo vệ nguồn lợi được thiên

nhiên ban tặng cho quốc gia, cho cộng đồng, cần bảo vệ, bảo tồn, khai thác, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, tối ưu, không làm tổn hại đến nguồn sống của hiện tại và tương lai...

3.2. Định hướng nhiệm vụ trọng tâm phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia trong tình hình mới

Một là, quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm Đại hội XIII của Đảng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Theo chủ nghĩa Mác - Lênin, việc sử dụng bạo lực cách mạng đánh đổ bạo lực phản cách mạng, giành chính quyền về tay cách mạng là mấu chốt thắng lợi của cách mạng vô sản, bởi kẻ thù không bao giờ tự rời bỏ chính trường, để trao chính quyền cho lực lượng cách mạng. Theo Lênin, “giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền càng khó khăn phức tạp hơn nhiều” và “Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nào nó biết tự vệ, nhưng không phải cách mạng có thể biết ngay được cách tự vệ”⁷. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Việc giữ gìn trật tự an ninh cũng

phải dựa vào sáng kiến và lực lượng của nhân dân. Mọi người dân, bất kỳ già trẻ, gái trai, bất kỳ làm việc gì đều có nhiệm vụ giúp chính quyền giữ gìn trật tự an ninh, vì trật tự an ninh trực tiếp quan hệ đến lợi ích bản thân của mọi người”⁸. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, chỉ rõ 5 quan điểm của Đảng, trong đó có quan điểm thứ năm, đó là “chủ động, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; giữ vững an ninh chính trị; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân”⁹. Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, chúng ta cần nhận thức sâu sắc: Chủ quyền lãnh thổ và an ninh quốc gia là điều cốt tử trường tồn dân tộc; để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thì phải dựa vào sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó Quân đội và

Công an là nòng cốt. Đây là tư duy chính trị nhạy bén của Đảng ta khi đặt vấn đề quốc phòng, an ninh vào nhân lõi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đảng xác định xứng tầm vai trò, vị trí của quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, là một trong những điều kiện quyết định sự thành bại trên con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Những phân tích ở phần 2 về thách thức, âm mưu và thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động đối với sự nghiệp cách mạng nước ta cho thấy phải tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia trong tình hình mới. Đây là nội dung cơ bản, hệ trọng, có ý nghĩa sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cả hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, đồng thời là một nội dung rất quan trọng để phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời kỳ mới. Đặc biệt, cần làm tốt hơn nữa công tác phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, lan tỏa và nhân rộng những gương người tốt việc tốt, lao

động sáng tạo, những điển hình tiên tiến, những cá nhân và tập thể anh hùng trong thời kỳ đổi mới. Đồng thời, kiên quyết, kiên trì, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Hai là, phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng, xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam được kết tinh, hun đúc và trao truyền trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, ở bất cứ đâu, khi nào Tổ quốc bị lâm nguy thì chủ nghĩa anh hùng Việt Nam lại được khơi dậy, phát huy và vươn lên tầm cao mới với tính chất và nội dung mới. Đặc trưng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam là sự kế tục và phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, hun đúc khát vọng độc lập dân tộc, hy sinh gian khổ vì lý tưởng cộng sản, nung nấu ý chí sắt đá, giữ vững niềm tin son sắt với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Nhờ biết

kế tục truyền thống yêu nước, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc và thời đại, làm nên những kỳ tích lịch sử trong 92 năm qua, an ninh quốc gia luôn được giữ vững, ngày càng mở rộng và nâng cao, góp phần rất quan trọng vào việc xác lập quyền độc lập, tự chủ của Việt Nam.

Ngay từ khi mới giành độc lập, an ninh quốc gia Việt Nam đã phải đối mặt với thù trong, giặc ngoài, nhất là quân Pháp được quân Anh hậu thuẫn, quân Tưởng được quân Mỹ hậu thuẫn đã cấu kết với các thế lực phản động trong nước thực hiện âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ”, hòng bóp chết chính quyền non trẻ của cách mạng Việt Nam. Mạng lưới mật thám, điệp viên của quân địch rải khắp trong Nam ngoài Bắc, ráo riết hoạt động chống phá an ninh quốc gia của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thấm nhuần tinh thần lời thề độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Công an Nhân dân Việt Nam đã biết dựa vào *tinh thần yêu nước, ý chí tự lực tự cường của đồng bào ta* mà tiến hành đấu tranh không

khoan nhượng với kẻ thù, góp phần quan trọng giữ vững an ninh quốc gia, đưa đất nước vượt qua tình thế ngàn cân treo sợi tóc. Vụ án Ôn Như Hầu diễn ra trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là chiến công đầu, thể hiện trí tuệ, bản lĩnh chính trị, sự trung thành tuyệt đối của Công an nhân dân Việt Nam với Đảng, Bác Hồ, bảo đảm an ninh quốc gia. Những chiến công về sau, nhất là trong 30 năm kháng chiến vệ quốc, nhờ có sự giúp đỡ của quần chúng nhân dân mà Công an Nhân dân Việt Nam đã đủ mưu trí đánh bại cả bộ máy tình báo chiến tranh của hai đế quốc to là Pháp và Mỹ.

Trong công cuộc đổi mới, Công an nhân dân Việt Nam tiếp tục làm phá sản mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực phản động trong nước và nước ngoài, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ tính đúng đắn của đường lối đổi mới, bảo đảm môi trường an ninh quốc gia cho tổ chức thực hiện đường lối đổi mới thành công. Tất cả các sự kiện quan trọng mang tầm cỡ quốc tế tổ chức ở Việt Nam đều được Công an nhân dân đóng vai trò nòng cốt bảo vệ an toàn tuyệt đối. Các sự kiện lịch sử dân tộc trọng đại, các hoạt động văn

hóa vùng miền đều được tổ chức an toàn. Khi có thiên tai, dịch bệnh, lực lượng Công an và Quân đội đều ở phía trước, lo cho dân, cứu trợ dân. Đó chính là chủ nghĩa anh hùng cách mạng, bước thăng hoa của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh còn tiếp biến đến hôm nay. Cùng với Quân đội nhân dân Việt Nam, Công an nhân dân Việt Nam ngày càng xứng danh là con đẻ của một dân tộc anh hùng. Có được truyền thống vẻ vang đó, trước hết là nhờ có đường lối lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng, sự quan tâm của Nhà nước, sự hưởng ứng, giúp đỡ của các ban ngành từ Trung ương tới địa phương, song không thể phủ nhận vai trò của Nhân dân, đã luôn che chở, bao bọc, làm “tai mắt”, tiếp sức cho Công an ở mọi lúc, mọi nơi, là động lực cho người chiến sĩ Công an nhân dân chiến đấu, hy sinh, gian khổ mà không nao núng ý chí, tinh thần. Những cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân trong thời chiến cũng như thời bình luôn nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng một dạ vì nước vì dân, tuyệt đối trung thành với Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công, giao nhiệm vụ của

cấp trên, gần dân, sát dân, bám cơ sở, hy sinh hạnh phúc riêng tư vì hạnh phúc của người dân.

Như vậy, phải luôn xác định công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhất là giáo dục lòng yêu nước, lý tưởng cách mạng, truyền thống anh hùng cách mạng “vì nước quên thân, vì dân phục vụ” gắn với các chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Xây dựng phong cách người CAND bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ” là một nhiệm vụ trọng yếu xuyên suốt góp phần xây dựng lực lượng Công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Ba là, nêu cao tinh thần, trách nhiệm hiệp đồng, phối hợp giữa các cơ quan, ban, bộ ngành từ Trung ương tới địa phương với Công an nhân dân, mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào lĩnh vực an ninh quốc gia.

Cùng với chủ quyền lãnh thổ đất nước, an ninh quốc gia là điều thiêng liêng nhất, là căn cốt bảo vệ độc lập dân tộc. Điều thiêng liêng của quốc gia, dân tộc không thể do riêng lẻ một lực lượng

nào có thể đảm đương, mà phải là sứ mệnh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Mỗi cơ quan, ban, bộ ngành ở Trung ương và địa phương cần nêu cao trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an trong tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết của Trung ương, gắn với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược An ninh quốc gia... trong tình hình mới. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu lý luận, đúc kết thực tiễn ở tầm lý luận về những vấn đề cốt lõi, cung cấp luận cứ khoa học để tham mưu với Đảng về bảo vệ an ninh quốc gia trong điều kiện mới. Từng ban, bộ, ngành ở Trung ương và các địa phương chú trọng đầu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đảng ta đã xác định, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xuyên suốt từ thời kỳ đổi mới đến nay, vì vậy bảo vệ an ninh quốc gia trên lĩnh vực kinh tế, cụ thể là an ninh kinh tế quốc gia, càng có tính cấp thiết, vừa phải giữ được hành lang pháp lý cho chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phải ngăn

chặn mọi âm mưu làm mất quyền độc lập, tự chủ kinh tế quốc gia trong quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển. Đảng ta xác định xây dựng Đảng là then chốt, nhằm nâng cao năng lực và vị thế cầm quyền của Đảng. An ninh trong công tác xây dựng Đảng cực kỳ quan trọng, trước hết là phải giữ được thanh danh của Đảng, không để bất kỳ thế lực nào xuyên tạc, bôi nhọ uy tín của Đảng, Nhà nước, chế độ; bảo vệ Đảng tức là phải bảo vệ tính đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng và bảo vệ đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước, nhất là cán bộ cấp chiến lược.

Chủ quyền biển đảo cùng với biên giới trên đất liền là những vấn đề luôn nóng trên mặt trận ngoại giao, trên thực địa, bị các thế lực phản động lợi dụng kích động, gây hoang mang dư luận xã hội, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định xã hội, gây căng thẳng trong quan hệ ngoại giao. Vì thế, bảo vệ an ninh trong lĩnh vực chủ quyền biển, đảo và vùng biên giới trên đất liền là bảo vệ an ninh quốc gia từ sớm, từ xa. Bên cạnh đó, còn phải chú ý đến vấn đề an ninh, an toàn trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng người nước ngoài đang làm ăn, sinh

sống, làm việc tại Việt Nam. Làm sao để người Việt Nam ở nước ngoài vừa chấp hành nghiêm luật pháp nước sở tại, vừa được bảo hộ quyền công dân chính đáng để an tâm làm ăn, hướng về quê hương, đất nước, được thụ hưởng những giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam. Còn với người nước ngoài tại Việt Nam, cần bảo đảm an ninh để họ thấy được Việt Nam là một quốc gia có chủ quyền, có bản sắc văn hóa, có môi trường ổn định, hòa bình, thân thiện, hiếu khách.

Trong xu thế toàn cầu hóa, nhiều vấn đề an ninh truyền thống và an ninh phi truyền thống vượt ra ngoài khuôn khổ của một quốc gia, nên rất cần sự mở rộng quan hệ quốc tế trên lĩnh vực an ninh, trước nhất là hợp tác an ninh giữa các nước láng giềng, giữa các nước trong khu vực ASEAN. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư đã và đang mang đến cho nhân loại nhiều thành tựu khoa học, công nghệ có tính nhảy vọt, do đó đòi hỏi phải mau chóng tiếp cận, chiếm lĩnh một số thành tựu mũi nhọn có thể ứng dụng vào lĩnh vực an ninh quốc gia phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn đã chứng minh, dù lực lượng Công an nhân dân có được xây dựng chính quy, tinh nhuệ và hiện đại đến mấy, muốn giành thắng lợi, vẫn phải phát huy vai trò to lớn của Nhân dân trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự nói chung, xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân nói riêng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ tính tất yếu phải xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa Công an với Nhân dân trong lần đến thăm và nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tại Chiến khu Việt Bắc (năm 1951): “*Công an có bao nhiêu người? Dù có vài ba nghìn hay năm bảy vạn đi nữa thì lực lượng ấy vẫn còn ít lắm bên cạnh lực lượng nhân dân. Năm vạn người thì chỉ có năm vạn cặp mắt, năm vạn đôi bàn tay. Phải làm*

sao có hàng chục triệu đôi bàn tay, hàng chục triệu cặp mắt và đôi tai mới được”; “khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì thắng lợi hoàn toàn”¹⁰. Thấm nhuần lời Bác Hồ dạy, suốt chiều dài lịch sử truyền thống 77 năm có Đảng lãnh đạo, được Nhân dân thương yêu giúp đỡ, Công an nhân dân Việt Nam đã và đang tiếp tục tô đẹp truyền thống vẻ vang, cùng với Quân đội Nhân dân Việt Nam xứng danh là “thanh bảo kiếm” sắc bén, “lá chắn” thép vững chắc của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Đó là thành quả chung của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dựa trên sự kế thừa truyền thống yêu nước, thương nòi, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, làm điểm tựa nuôi dưỡng khát vọng dân tộc độc lập, tự cường, phồn vinh, hạnh phúc ■

¹ Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng “Một số vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam” Nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-2021) và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, Báo Nhân dân điện tử Ngày 1/8/2021. [Nguồn: <https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-ve-chu-nghia->

xa-hoi-va-con-duong-di-len-chu-nghia-xa-hoi-o-viet-nam-646305/]

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.83-84.

³ Trước thời kỳ đổi mới, khái niệm an ninh quốc gia chủ yếu là an ninh chính trị, nội hàm của an ninh chính trị gồm phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, gián điệp, phản động, bảo vệ chế độ. Ngày 27/6/1986, lần đầu tiên khái niệm “An ninh quốc gia” đã được chính thức đưa vào Bộ luật hình sự. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đã sử dụng khái niệm “An ninh quốc gia”, đồng thời khái niệm này cũng được đưa vào Cương lĩnh chính trị, và các văn kiện khác của Đảng từ đó đến nay. Sự thay đổi khái niệm như vậy không làm thay đổi về bản chất, nhưng mở rộng và làm sâu sắc hơn nội hàm an ninh Tổ quốc trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều thay đổi. Luật An ninh quốc gia (năm 2004) quy định rõ: “An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc”. Ngày 05/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 51-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, trong đó quan điểm và nội hàm an ninh quốc gia được xác định rõ hơn, sát hơn, đúng hơn, trúng hơn, chuyên sâu hơn trong tình hình mới: “An ninh quốc gia là sự vững mạnh, trường tồn của Đảng, sự ổn định, phát triển bền vững về mọi mặt của đất nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là sự ổn định về chính trị, về biên giới, chủ quyền lãnh thổ và an ninh, an toàn xã hội” [Nguồn: Đại tướng, GS, TS Tô Lâm, Sđd, tr.51-52].

⁴ ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.156.

⁵ Đại tướng, GS, TS Tô Lâm, Sđd, tr.111.

⁶ Nguyễn Xuân Yêm, Nguyễn Việt Linh (2021): *Tư duy mới về An ninh quốc gia trong tình hình mới* [Nguồn: <https://tuyengiao.vn/nguyen-cuu/ly-luan/tu-duy-moi-ve-an-ninh-quoc-gia-trong-tinh-hinh-moi-133806/>]

⁷ V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.37; Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.145.

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.363.

⁹ Ban Tuyên giáo Trung ương: *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.98.

NÂNG CAO NĂNG LỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NỘI SINH QUỐC GIA ĐỂ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

● GS, TS NGUYỄN KẾ TUẤN

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

1. Một số nhận thức chung

Hiện nay, vẫn tồn tại những cách giải thích khác nhau về các thuật ngữ “khoa học”, “công nghệ”, khoa học công nghệ”, “khoa học - công nghệ”, “khoa học và công nghệ”, “phát triển khoa học công nghệ”, “tiến bộ khoa học công nghệ”, “đổi mới sáng tạo”... Mỗi cách giải thích xuất phát từ những cách tiếp cận và bối cảnh cụ thể khác nhau.

Bài viết này không đưa ra cách giải thích riêng, mà sử dụng các thuật ngữ này theo các quy định tại Luật Khoa học và công nghệ được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2013. Từ những

quy định này có thể rút ra một số nhận xét sau đây:

(1) *Đổi mới sáng tạo là cơ sở để thực hiện phát triển công nghệ.* Điều này có nghĩa, để phát triển công nghệ, tạo ra các loại công nghệ tiên tiến, hiện đại phải thúc đẩy đổi mới công nghệ trên cơ sở các tri thức khoa học. Trong thực tế, có những trường hợp thực hiện việc “phát triển công nghệ” nhưng không phải từ “sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng”, mà từ kinh nghiệm thực tế và nhu cầu thiết thân của người sử dụng các công nghệ hiện có. Những kết quả của hoạt động cải tiến máy móc hiện có, sáng chế ra máy móc nông nghiệp mới

mang lại năng suất và hiệu quả cao của những người nông dân với trình độ văn hóa không cao là những ví dụ điển hình cho trường hợp này. Đó là hoạt động phát triển công nghệ đáng trân trọng, đáp ứng có hiệu quả nhu cầu thực tiễn và thể hiện trí tuệ sáng tạo của con người Việt Nam. Nhưng từ những trường hợp này đặt ra nhiều vấn đề đáng suy nghĩ về vai trò của các tổ chức nghiên cứu khoa học và các nhà khoa học chuyên ngành trong hoạt động phục vụ thực tế.

(2) *Kết quả của hoạt động đổi mới sáng tạo là đưa ra được cái mới so với cái hiện có.* Nhưng kết quả ấy chỉ được xã hội thừa nhận khi xuất phát từ nhu cầu thực tế của cuộc sống, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với xu thế chung của thời đại. Nếu ngược lại, dù nghiên cứu công phu, tâm huyết cá nhân để đưa ra được “cái mới”, nhưng hoạt động “đổi mới sáng tạo” ấy hoàn toàn không có ý nghĩa gì^[2].

(3) Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết là tạo sự “chuyển đổi căn bản, toàn diện các mặt của đời sống kinh tế - xã hội sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ,

phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại”. Nói cách khác, nội dung cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình phát triển lực lượng sản xuất, tạo lập cơ sở vật chất - kỹ thuật ngày càng hiện đại theo trình độ thời đại. Quá trình này luôn gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. *Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, đưa đất nước từ tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, chậm phát triển thành nước phát triển hiện đại, thu nhập cao, từ trình độ văn minh nông nghiệp lên trình độ văn minh công nghiệp và văn minh trí tuệ. Do vậy, về bản chất, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo luôn giữ vị trí là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(4) Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế tạo cho các quốc gia đang phát triển cơ hội phát triển công nghệ theo kiểu “đi tắt, đón đầu” bằng cách nhập ngoại các loại công nghệ hiện đại. Tuy nhiên, tính hiện thực và tính hiệu quả của

cách đi này lại phụ thuộc trực tiếp vào *năng lực khoa học công nghệ nội sinh* - Năng lực làm chủ khoa học công nghệ của mỗi tổ chức, mỗi doanh nghiệp, mỗi quốc gia. Năng lực này bao gồm từ năng lực sáng tạo khoa học, công nghệ trong nước, đến năng lực làm công nghệ nhập khẩu thích nghi với điều kiện trong nước, làm chủ và sử dụng có hiệu quả công nghệ nhập khẩu. Nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh là quá trình phức tạp, đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ, có hiệu quả sự nỗ lực của Nhà nước, các doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ, các trường đại học và các nhà khoa học.

2. Khái quát chủ trương về vai trò của KHCN trong công cuộc CNH, HĐH đất nước qua các thời kỳ Đại hội Đảng và kết quả thực hiện

Ở Việt Nam, với điểm xuất phát ban đầu là nền nông nghiệp lạc hậu lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội Đảng lần thứ III (9/1960) đã xác định công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với thực chất là thực hiện cách mạng kỹ thuật, phân

công mới về lao động xã hội và là quá trình tích lũy để không ngừng thực hiện tái sản xuất mở rộng. Đại hội xác định mục tiêu của công nghiệp hóa là “biến nước ta thành nước có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến”. Đại hội chỉ rõ: Quá trình công nghiệp hóa đòi hỏi thực hiện đồng thời ba cuộc cách mạng: Cách mạng về quan hệ sản xuất, Cách mạng khoa học - kỹ thuật, Cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó *Cách mạng khoa học - kỹ thuật giữ vai trò then chốt*.

Với tinh thần nhất quán coi công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong các kỳ Đại hội tiếp theo, Đảng ta đã có những điều chỉnh, bổ sung đường lối công nghiệp hóa phù hợp với bối cảnh thời đại và điều kiện thực tiễn Việt Nam, nhưng vẫn đặt khoa học và công nghệ ở vị trí đặc biệt quan trọng.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1/1994) chỉ rõ việc cần thiết phải thực hiện đồng thời hai quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa: “Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa... hình thành những

mũi nhọn phát triển kinh tế theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới”. Hội nghị nhấn mạnh quan điểm coi *khoa học - công nghệ là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Nhằm thực hiện nhiệm vụ đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đã đề ra, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (7/1994) đã thông qua Nghị quyết về “Phát triển công nghiệp, công nghệ theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới”.

Đại hội Đảng lần thứ VIII (7/1996) đặt ra yêu cầu ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải chuẩn bị đầy đủ tiền đề để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội xác định: “Khoa học và công nghệ trở thành nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

Đại hội Đảng lần thứ IX (4/2001) đánh giá: Trong Thế kỷ XXI, khoa học - công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt, kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật. Từ đó, Đại hội chỉ rõ: “Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát

triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để từng bước phát triển kinh tế tri thức và nâng cao năng suất lao động”. Trong khóa này, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/11/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết xác định quan điểm: “Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ”.

Đại hội Đảng lần thứ X (4/2006) tiếp tục nhấn mạnh: “Kết hợp chặt giữa hoạt động khoa học và công nghệ với

giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò *quốc sách hàng đầu, tạo động lực* đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức”.

Đại hội Đảng lần thứ XI (1/2011) tiếp tục khẳng định: “Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế tri thức”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011) thông qua tại Đại hội này chỉ rõ: “*Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới*”.

Đại hội Đảng lần thứ XII (1/2016) nhấn mạnh: “Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học - công nghệ thực sự là *quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất* để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức”. Tại Đại hội này, Đảng ta xác định công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần tiến hành qua 3 bước: Tạo tiền đề, điều kiện để công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nâng

cao chất lượng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ khái quát các quan điểm, chủ trương của Đảng từ Đại hội lần thứ III (1960) đến Đại hội lần thứ XII (2016) có thể thấy, dù được diễn giải theo những từ ngữ khác nhau (“*Then chốt*”: Đại hội lần thứ III; “*Nền tảng*”: Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đại hội lần thứ VIII; “*Quốc sách hàng đầu, nền tảng, động lực*”: Các Đại hội lần thứ IX, X, XI và XII), nhưng khoa học công nghệ, phát triển khoa học công nghệ, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa luôn được đặt ở vị trí đặc biệt quan trọng.

Quá trình thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về phát huy vai trò của khoa học công nghệ trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm qua đã đạt được những kết quả tích cực. Tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước được tăng cường. Khoa học công nghệ có những đóng góp tích cực vào việc “đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi

mới”. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đó, hiện nay năng lực và trình độ khoa học công nghệ của nước ta còn thấp, còn khoảng cách khá xa so với nhóm đầu khu vực Đông Nam Á. Trừ một số lĩnh vực có tốc độ đổi mới công nghệ khá nhanh, như công nghệ thông tin - viễn thông, dầu khí, hàng không, tài chính - ngân hàng..., nhiều doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, kể cả không ít doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đang sử dụng công nghệ lạc hậu so với mức trung bình của thế giới. Công nghiệp vẫn chủ yếu là gia công, lắp ráp, công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển, thực hiện các khâu đơn giản với giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị và mạng sản xuất toàn cầu. Năng lực khoa học công nghệ nội sinh, năng lực đổi mới sáng tạo còn thấp kém... Hệ quả tất yếu của tình trạng này là năng suất lao động và khả năng cạnh tranh ở cả cấp độ doanh nghiệp và quốc gia còn thấp kém và chậm được cải thiện. Theo ước tính của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), năng suất lao động của Việt Nam năm 2020 thấp hơn 7 lần so với Malaysia, 4 lần so với Trung Quốc, 3 lần so với

Thailand, 2 lần so với Philippines và 26 lần so với Singapore. Trong giai đoạn 2011 - 2020, tốc độ tăng năng suất tổng hợp các nhân tố (TFP) đạt 11%/năm, đóng góp của TFP vào tăng trưởng đạt bình quân 39,3%/năm, nhưng mức đó còn thấp xa so với các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong giai đoạn tăng tốc phát triển (Nhật Bản: 129,6%; Hàn Quốc: 64,9%; Trung Quốc: 52,6%; Thailand: 53%...)⁽³⁾.

Thực tế trong những năm qua cho thấy rõ rằng khoa học công nghệ chưa thực sự là “quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”. Đang tồn tại khoảng cách khá xa giữa “tư duy, quan điểm, chủ trương chung” về vai trò và định hướng phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo với “kết quả thực tế”, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa được đặt đúng vị trí cần có. Do vậy, năng lực khoa học công nghệ nội sinh ở cả cấp độ doanh nghiệp, ngành và quốc gia còn thấp kém. Tụt hậu ngày càng xa hơn cả về trình độ phát triển kinh tế và về trình độ phát triển khoa học công nghệ là một thách thức gay gắt

với Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, có ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ và sâu rộng tới tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội.

3. Một số khuyến nghị nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh

Trên cơ sở phân tích bối cảnh phát triển, đặc biệt là đánh giá tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, và yêu cầu thực hiện các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021) đã xác định chủ trương “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”. Trên cơ sở chủ trương này, Đại hội xác định nhiệm vụ: “...Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Có thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ một số công nghệ mới, hình thành năng lực

sản xuất mới có tính tự chủ và khả năng thích ứng, chống chịu của nền kinh tế, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số. Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...”. Đó cũng là một trong các nội dung của đột phá chiến lược giai đoạn 2021 - 2030. Thật ra, điểm mới của chủ trương này chỉ là việc đặt phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào đúng vị trí cần có trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ quan điểm, chủ trương chung đề ra tại các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, trong thời gian gần đây, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ đã ban hành hàng loạt Nghị quyết về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cụ thể là:

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Quyết định số 50/NQ-CP ngày

17/4/2020 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 30/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030....

Các nghị quyết này đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành, các lĩnh vực, những giải pháp chủ yếu, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện. Trong điều kiện ấy, xin không bàn thêm về quan điểm, phương hướng nhiệm vụ, mà chỉ xin nêu một số ý kiến về *nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh*, góp phần bảo đảm phát triển

khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự là nền tảng của việc tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong những năm tới. Để nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh, cần giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề khác nhau. Trong khuôn khổ bài viết này, chỉ xin trình bày một số khía cạnh về *nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - vấn đề quan trọng hàng đầu của việc nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh quốc gia*.

Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng tiến bộ và đổi mới sáng tạo đòi hỏi phải có *nguồn nhân lực chất lượng cao*. Nguồn nhân lực này được trang bị kiến thức chuyên sâu, cập nhật và hiện đại, có năng lực, kỹ năng vận dụng và phát triển kiến thức trong những công việc cụ thể, có tâm huyết và có bản lĩnh vững vàng. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là sứ mệnh và trách nhiệm của hệ thống giáo dục quốc dân.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (11/2013) đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong những năm qua, mặc dù có nhiều nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết này, nhưng những kết quả đạt được còn thấp so với mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, chưa đáp ứng yêu cầu và vẫn là một trong những điểm nghẽn cản trở yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Trong thời gian tới, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên cơ sở đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo vẫn được xác định là một trong các đột phá chiến lược. Đây cũng là một nội dung trọng yếu của việc nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh quốc gia để thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa trên nền tảng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định rõ các nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cần thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030. Dưới đây xin nêu hai ý kiến có liên quan đến nhiệm vụ nâng cao chất

lượng nguồn nhân lực để góp phần nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh quốc gia.

(1) Đổi mới tư duy trong thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Đại hội Đảng lần thứ XIII (1/2021) chỉ rõ “Đổi mới tư duy, hoạt động giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra...” là một trong những hạn chế, bất cập của việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Để khắc phục hạn chế, bất cập này, xin nêu một số ý kiến về đổi mới tư duy trong việc thực hiện nhiệm vụ trọng yếu trên.

Trước hết, tư duy về sứ mệnh và triết lý của nền giáo dục quốc dân

Hiểu một cách đơn giản, triết lý giáo dục là những quan điểm, tư tưởng chủ đạo, cốt lõi phản ánh khái quát mục đích của giáo dục nhằm đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của xã hội trong một giai đoạn lịch sử cụ thể. Triết lý giáo dục được coi là cơ sở định hướng phát triển nền giáo dục quốc dân.

Ở Việt Nam, hiện đang tồn tại nhiều đề xuất khác nhau về triết lý giáo dục của Việt Nam. Thiết nghĩ, thay vì loay hoay tìm kiếm một triết lý giáo dục

đặc thù riêng có của Việt Nam, có thể lấy bốn trụ cột của giáo dục trong Thế kỷ XXI do Tổ chức Giáo dục, Khoa học, Văn hóa thuộc Liên Hợp Quốc (UNESCO) đưa ra làm cơ sở xây dựng triết lý giáo dục của Việt Nam. Báo cáo “Học tập: Kho báu nội tại” do Jacques Delors, Chủ tịch Hội đồng Quốc tế về Giáo dục cho Thế kỷ XXI của UNESCO, đưa ra đã chỉ rõ: “Giáo dục phải được tổ chức xoay quanh bốn loại hình cơ bản mà trong một cuộc đời mỗi con người, chúng sẽ là những trụ cột của kiến thức: *Học để biết* là nắm những công cụ để hiểu; *Học để làm* là phải có những khả năng hoạt động sáng tạo tác động vào môi trường sống của mình; *Học để cùng chung sống* là tham gia và hợp tác với những người khác trong mọi hoạt động của con người; *Học để làm người* là sự tiến triển quan trọng nảy sinh từ ba loại hình trên”. Trên cơ sở bốn trụ cột ấy và xuất phát từ yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc điểm lịch sử và văn hóa của Việt Nam để nghiên cứu xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam. Trên cơ sở triết lý giáo dục được xây dựng, sẽ tiến hành thiết kế các nội dung của đổi mới căn bản, toàn diện

giáo dục và đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai, tư duy về trách nhiệm với việc đổi mới giáo dục và đào tạo.

Việc thực hiện nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo không phải chỉ là trách nhiệm của các nhà hoạch định chính sách và những người hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực lĩnh vực này, mà là trách nhiệm của toàn xã hội theo tinh thần “giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn dân”. Do vậy, việc tạo sự đồng thuận giữa các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý giáo dục và đào tạo với các tầng lớp xã hội là yếu tố quan trọng bảo đảm tính hợp lý, sát thực của các nội dung đổi mới giáo dục đào tạo và là điều kiện thuận lợi để các nội dung ấy đi vào cuộc sống. Từ đó, việc thu hút sự tham gia hoặc phản biện của các tầng lớp xã hội dưới những hình thức khác nhau vào hoạch định nội dung đổi mới giáo dục và đào tạo luôn được coi là cần thiết.

Thứ ba, tư duy nhận thức về “bằng cấp và giáo dục”.

Trong xã hội Việt Nam hiện nay,

“trọng bằng cấp” là tư tưởng còn hết sức nặng nề trong các tầng lớp xã hội. Trong hệ thống giáo dục quốc dân, bằng cấp là văn bản chứng nhận của cơ sở đào tạo về trình độ giáo dục - đào tạo mà mỗi cá nhân đã nhận được. Kiến thức và kỹ năng tương ứng với chứng nhận về trình độ đào tạo là cơ sở giúp mỗi người tìm kiếm việc làm và chỗ đứng trong xã hội, phát triển cá nhân và góp phần phát triển cộng đồng theo những cách khác nhau. Tuy nhiên trong thực tế vẫn tồn tại không ít trường hợp coi “bằng cấp là chúng chỉ để thăng tiến”, coi là một minh chứng về “không thua chi, kém em”, thậm chí coi là “một dạng trang sức của một số người có quyền và có tiền”,... Họ tìm mọi cách, kể cả những cách phi pháp, để “kiếm được một tấm bằng”.

Từ đó, chỉ khi nào xã hội có sự nhìn nhận đúng đắn về bằng cấp, đánh giá mỗi cá nhân không phải từ bằng cấp, mà bằng trình độ, năng lực thực tế, cùng những chế tài nghiêm khắc, mới có thể xóa bỏ được tình trạng “mua bán bằng cấp”, “học giả, bằng thật”, “học giả, bằng giả”,... để thực hiện đúng yêu cầu “học thật, bằng thật”. Khi

đó, giáo dục và đào tạo mới thực hiện đúng được sứ mệnh “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”.

Thứ tư, tư duy về học tập suốt đời.

Thông thường, nói đến giáo dục và đào tạo là nói đến nhà trường. Điều đó đúng nhưng chưa đủ. Thật ra, giáo dục là quá trình tiếp thu kiến thức và kỹ năng bằng những hình thức khác nhau, ở những môi trường khác nhau, với những đối tượng khác nhau. Quá trình này không phải chỉ diễn ra/được thực hiện trong nhà trường (Trường học), mà còn diễn ra/được thực hiện cả ở ngoài xã hội (Trường đời). Theo đó, giáo dục là một hành trình học hỏi trọn đời theo nhu cầu công việc và cuộc sống của mỗi người. Theo tinh thần ấy, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo không phải chỉ là giải quyết các vấn đề của nhà trường và trong nhà trường, mà không kém phần quan trọng còn là xây dựng xã hội học tập, tạo môi trường và cơ hội cho mọi người đều được học tập dưới những hình thức khác nhau, tiếp thu kiến thức, nâng cao năng lực và kỹ năng để làm việc có hiệu quả hơn.

(2) *Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức.*

Trong mọi thời đại, đội ngũ trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia, trong đó có năng lực khoa học công nghệ nội sinh quốc gia. Do vậy, để nâng cao năng lực khoa học công nghệ quốc gia phục vụ thiết thực nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo cần hết sức coi trọng việc phát triển đội ngũ trí thức.

Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (8/2008) đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết khẳng định: Đội ngũ trí thức có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng nền kinh tế tri thức. Nghị quyết cũng xác định rõ: Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của

dân tộc và sức mạnh của đất nước, đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững. Nghị quyết xác định mục tiêu “Đến năm 2020, xây dựng đội ngũ trí thức lớn mạnh, đạt chất lượng cao, số lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, từng bước tiến lên ngang tầm với trình độ của trí thức các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới...”.

Sau hơn 10 năm thực hiện, ngày 30/5/2019 Ban Bí thư đã ban hành kết luận số 52/KL-TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Trong khi khẳng định “Đội ngũ trí thức tăng nhanh về số lượng, đóng góp tích cực vào xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc”, bản kết luận cũng chỉ rõ “Đội ngũ trí thức sáng tạo, chuyên gia đầu ngành còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kế cận thiếu hụt...”. Từ đó, bản kết luận xác định những công việc cần tiếp tục thực hiện trong thời gian tới.

Bối cảnh thập kỷ thứ ba của Thế kỷ XXI đã có những thay đổi lớn so với bối cảnh thập kỷ thứ nhất. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với tốc độ, quy mô và tác động của những

thành tố công nghệ mới được đánh giá là “đào lộn toàn bộ mô hình, sinh hoạt, tiêu dùng và quản trị quốc gia. Thế giới đang đứng trước một cuộc cách mạng có thể làm thay đổi cơ bản cách con người sống, làm việc và tương tác với nhau”^[4]. Do vậy, cần thiết phải tiến hành nghiên cứu để ban hành một nghị quyết mới về xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức phù hợp với bối cảnh mới của thời đại và yêu cầu mới của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong nghiên cứu vấn đề này, cần: Xác định rõ những xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những cơ hội và thách thức với sự phát triển đất nước; Đánh giá một cách khách khách quan những điểm mạnh, điểm yếu của đội ngũ trí thức và nguyên nhân của những điểm yếu ấy; Xác định những nhiệm vụ cần thực hiện, những đột phá trong xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức; Trách nhiệm cụ thể của các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện.

Để phát huy vai trò nòng cốt của đội ngũ trí thức trong năng lực khoa học công nghệ quốc gia, cần thể chế hóa quan điểm: “Thực hành dân chủ, tôn

trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước”.

Kết luận

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong bối cảnh mới của thời đại, việc nâng cao năng lực khoa học công nghệ nội sinh quốc gia là điều kiện trọng yếu để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ “đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Việc bảo đảm điều kiện này đòi hỏi phải có sự nỗ lực đồng bộ từ nhiều phía khác nhau. Bài viết nhỏ này chỉ xin nêu một số ý kiến ban đầu trong chủ đề có phạm vi rộng và nội dung phức tạp này ■